

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

**Sinh viên : Nguyễn Thị Hòa
Giảng viên hướng dẫn: ThS.Lã Thị Thanh Thủy**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI XẾP DỠ DỊCH VỤ VẬN TẢI
HẢI LONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

Sinh viên : Nguyễn Thị Hòa

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Thanh Thủy

HẢI PHÒNG – 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hòa

Mã SV:1412402005

Lớp: QT1801N

Ngành: Quản trị doanh nghiệp

Tên đề tài: Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất
kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ
vận tải Hải Long

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

1. Nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề lý luận về hoạt động sản xuất và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tìm hiểu về các điều kiện, khả năng có thể nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu của công ty Hải Long năm 2016
- Số liệu của công ty Hải Long năm 2017

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Lã Thị Thanh Thủy*

Học hàm, học vị: *Thạc sĩ*

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Nghiên cứu các vấn đề về nâng cao hiệu quả sử dụng hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 13 tháng 08 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 03 tháng 11 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Hòa

ThS. Lã Thị Thanh Thủy

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIÁNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên:

Đơn vị công tác:

Họ và tên sinh viên: Chuyên ngành:

Đề tài tốt nghiệp:

Nội dung hướng dẫn:

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

.....
.....
.....
.....
.....

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH	3
I. Khái niệm, bản chất, vai trò của hiệu quả sản xuất kinh doanh	3
1. Khái niệm hiệu quả sản xuất kinh doanh.....	3
3. Bản chất của hiệu quả sản xuất kinh doanh.....	4
4. Vai trò của hiệu quả sản xuất kinh doanh.....	5
II. Phân loại hiệu quả sản xuất kinh doanh	7
1. Hiệu quả tuyệt đối và hiệu quả tương đối.....	7
2. Hiệu quả kinh tế cá biệt và hiệu quả kinh tế quốc dân	8
III. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh	9
1. Nhóm nhân tố khách quan:.....	9
2. Nhóm nhân tố chủ quan.....	11
IV. Các phương pháp phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh	13
1. Phương pháp so sánh.....	14
2. Phương pháp thay thế liên hoàn (loại trừ dần)	14
3. Phương pháp liên hệ.....	15
4. Phương pháp chi tiết.....	15
5. Phương pháp chi tiết theo các bộ phận cấu thành.....	15
6. Phương pháp chi tiết theo thời gian.....	16
7. Phương pháp chi tiết theo địa điểm.....	16
8. Phương pháp cân đối.....	16
9. Phương pháp hồi quy tương quan.....	17
V. Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh	17
1. Hiệu quả sử dụng lao động.....	17
2. Hiệu quả sử dụng chi phí.....	18
3. Hiệu quả sử dụng tài sản.....	18
4. Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu	20
5. Một số chỉ tiêu tài chính khác:.....	21
6. Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.....	23
CHƯƠNG 2 TỔNG QUAN VÀ THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SẢN XUẤT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XẾP DỠ DỊCH VỤ VẬN TẢI HẢI LONG	26

I.	Quá trình hình thành và phát triển công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long	26
1.	Giới thiệu về công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long	26
2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	26
3.	Mục tiêu và chức năng	27
4.	Sơ đồ cơ cấu tổ chức	27
5.	Những thuận lợi và khó khăn của công ty.....	29
II.	Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.....	29
1.	Kết cấu lao động và hình thức trả lương của công ty	29
III.	Các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	35
1.	Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm 2016 – 2017.....	35
2.	Phân tích chi phí của công ty trong 2 năm 2016 – 2017.....	36
3.	Hiệu quả sử dụng tài sản	41
4.	Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu	45
5.	Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản	49
	CHƯƠNG 3 ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XẾP DỠ DỊCH VỤ VẬN TẢI HẢI LONG	52
1.	Đánh giá hiện trạng công ty.....	52
3.1.	Biện pháp 1: Đầu tư máy móc trang thiết bị để nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh.....	54
3.2.	Biện pháp 2: Đẩy mạnh hoạt động marketing	56
	KẾT LUẬN	58
	TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	59

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Bảng Phân tích cơ cấu lao động của công ty năm 2016 – 2017	30
Bảng 2. Sức sản xuất và sức sinh lợi của lao động:	32
Bảng 3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long	35
Bảng 4. Bảng phân tích chi phí của công ty	37
Bảng 5. Sức sản xuất và sức sinh lợi của tổng chi phí.....	39
Bảng 6. Bảng phân tích hiệu quả sử dụng TSDH.	41
Bảng 7. Bảng phân tích hiệu quả sử dụng TSNH.	43
Bảng 8. Phân tích hiệu quả sử dụng tổng tài sản.	44
Bảng 9. Vốn chủ sở hữu của công ty 2 năm gần đây.....	45
Bảng 10. Sức sản xuất và sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu	46
Bảng 11: Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản	49
Bảng 14: Bảng 13: kết quả dự kiến sau khi thực hiện biện pháp 2.....	57
Bảng 12. Tổng hợp các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty	52
Bảng 13: kết quả dự kiến sau khi thực hiện biện pháp 1	56

LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả xuất kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long” là sự thể hiện những kiến thức đã thu nhận được của bản thân em trong suốt quá trình học tại Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, dưới sự chỉ dẫn tận tình của các thầy cô trong trường và đặc biệt là các thầy cô của Khoa Quản trị Kinh doanh.

Trước tiên, em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Lê Thị Thanh Thủy đã nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ và tạo mọi điều kiện để em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn đặc biệt tới Ban Lãnh đạo Công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long, nơi em đã được thực tập và làm đề tài, đã hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để em hoàn thành luận văn.

Cuối cùng, em xin được cảm ơn gia đình và bạn bè đã tạo mọi điều kiện tốt nhất từ vật chất cho đến tinh thần để em có thể hoàn thành tốt việc học tập và bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan bài luận văn tốt nghiệp “Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực tại Công ty công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long” là do em tự thực hiện dưới sự hướng dẫn của ThS. Lã Thị Thanh Thủy. Mọi số liệu và biểu đồ trong luận văn đều do em trực tiếp thu thập và được sự đồng ý của Ban Giám đốc Công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long.

Để hoàn thành bài luận văn này, em chỉ sử dụng những tài liệu được ghi trong tài liệu tham khảo ở cuối luận văn, ngoài ra em không sử dụng bất cứ tài liệu nào khác. Nếu có sai sót, em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

LỜI MỞ ĐẦU

1. GIỚI THIỆU LUẬN VĂN

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động nói chung và hiệu quả kinh doanh nói riêng không chỉ là mối quan tâm hàng đầu của bất kỳ xã hội nào mà còn là mối quan tâm của bất kỳ ai, bất kỳ doanh nghiệp nào khi làm bất cứ việc gì. Nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng là vấn đề bao trùm và xuyên suốt mọi hoạt động kinh doanh, thể hiện chất lượng của toàn bộ công tác quản lý kinh tế. Suy cho cùng, quản lý kinh tế là để đảm bảo tạo ra kết quả và hiệu quả cao nhất cho mọi quá trình, mọi giai đoạn và mọi hoạt động kinh doanh. Tất cả những cải tiến, những đổi mới về nội dung, phương pháp và biện pháp áp dụng trong quản lý chỉ thực sự có ý nghĩa khi và chỉ khi làm tăng được kết quả kinh doanh, mà qua đó làm tăng được hiệu quả kinh doanh.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề, nên trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long, em quyết định lựa chọn đề tài: “Một số biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long” làm đề tài khóa luận.

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Nhằm đưa ra những lý luận chung về sản xuất kinh doanh và hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. làm rõ được ý nghĩa và mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. thấy được những quyết định cũng như ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung

Phản ánh thực trạng năng lực sản xuất kinh doanh cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long. Chỉ ra được những tồn tại yếu kém gây cản trở việc nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó đưa ra những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu lý luận chung về sản xuất kinh doanh và hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp

Phân tích đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long, từ đó đưa giải pháp.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Luận văn được thực hiện bằng các phương pháp chủ yếu là thống kê, điều tra, phân tích và tổng hợp.

Thông tin và số liệu thu thập dựa trên hệ thống lưu trữ hồ sơ của công ty. Số liệu có từ nhiều nguồn như: điều tra trực tiếp, tham khảo ý kiến các chuyên gia và người có kinh nghiệm.

5. BỐ CỤC LUẬN VĂN

Đề tài khoá luận của em gồm 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Chương 2: Phân tích thực trạng hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long

Chương 3: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

I. Khái niệm, bản chất, vai trò của hiệu quả sản xuất kinh doanh.

1. *Khái niệm hiệu quả sản xuất kinh doanh.*

Kinh doanh là việc thực hiện một số hoặc thực hiện tất cả các công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ hoặc thực hiện dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lời. Điều mà các doanh nghiệp quan tâm nhất chính là vấn đề làm thế nào để sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giúp cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Nói cách khác, việc nâng cao hiệu quả kinh doanh là vấn đề mà bất cứ một doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm hàng đầu bởi vì mọi doanh nghiệp đều hướng tới mục tiêu bao trùm lâu dài đó là tối đa hoá lợi nhuận. Đạt được điều này doanh nghiệp mới có điều kiện hơn trong việc mở rộng sản xuất kinh doanh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Để tạo dựng cho mình một chỗ đứng trên thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh, buộc doanh nghiệp phải tính đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính là việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên trong và nắm bắt xử lý khôn khéo những thay đổi của môi trường, để tận dụng các cơ hội kinh doanh.

Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về hiệu quả kinh doanh:

Quan điểm thứ nhất cho rằng: “Hiệu quả sản xuất diễn ra khi xã hội không thể tăng sản lượng một loạt hàng hoá mà không cắt giảm một loạt sản lượng hàng hoá khác. Một nền kinh tế có hiệu quả nằm trên giới hạn khả năng sản xuất của nó”. Thực chất của quan điểm này đã đề cập đến khía cạnh phân bổ có hiệu quả các nguồn lực của nền sản xuất xã hội. Việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực sản xuất trên đường giới hạn khả năng sản xuất sẽ làm cho nền kinh tế có hiệu quả cao. Có thể nói mức hiệu quả ở đây mà tác giả đưa ra là cao nhất, là lý tưởng và không thể có mức hiệu quả nào cao hơn nữa.

Có một số tác giả lại cho rằng hiệu quả kinh tế được xác định bởi quan hệ tỷ lệ giữa sự tăng lên của hai đại lượng kết quả và chi phí. Các quan điểm này

mới chỉ đề cập đến hiệu quả của phần tăng thêm chứ không phải của toàn bộ phần tham gia vào quy trình kinh tế.

- Một số quan điểm lại cho rằng hiệu quả kinh tế được xác định bởi tỷ số giữa kết quả đạt được và chi phí bỏ ra để có được kết quả đó. Điển hình cho quan điểm này là tác giả Manfred Kuhn, theo ông : "Tính hiệu quả được xác định bằng cách lấy kết quả tính theo đơn vị giá trị chia cho chi phí kinh doanh" Đây là quan điểm được nhiều nhà kinh tế và quản trị kinh doanh áp dụng vào tính hiệu quả kinh tế của các quá trình kinh tế.

Tóm lại, hiệu quả kinh doanh có thể hiểu một cách đầy đủ thông qua khái niệm sau:

Hiệu quả kinh doanh là một phạm trù kinh tế biểu hiện sự tập trung của sự phát triển kinh tế theo chiều sâu, phản ánh các trình độ khai thác các nguồn lực và trình độ chi phí các nguồn lực đó theo trong quá trình tái sản xuất nhằm thực hiện mục tiêu kinh doanh. Nó là thước đo ngày càng trở nên quan trọng của tăng trưởng kinh tế và là chỗ dựa cơ bản để đánh giá việc thực hiện mục tiêu kinh tế của doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

Hiệu quả sản xuất kinh doanh là một phạm trù kinh tế biểu hiện của sự tập trung của sự phát triển kinh tế phản ánh trình độ khai thác các nguồn lực và trình độ chi phí các nguồn lực trong đó quá trình sản xuất nhằm đạt được các mục tiêu kinh doanh. Nó là thước đo ngày càng trở nên quan trọng của tăng trưởng kinh tế và là chỗ dựa cơ bản để đánh giá việc thực hiện các mục tiêu kinh tế của doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

4. Bản chất của hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Hiệu quả kinh doanh là một đại lượng so sánh: so sánh giữa đầu vào và đầu ra, so sánh giữa chi phí kinh doanh bỏ ra với kết quả kinh doanh thu được...

Đứng trên góc độ xã hội, chi phí xem xét phải là chi phí xã hội do có sự kết hợp của các yếu tố lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động theo một tương quan cả về số lượng và chất lượng trong quá trình kinh doanh để tạo ra sản phẩm, dịch vụ đủ tiêu chuẩn cho tiêu dùng. Cũng như vậy, kết quả thu được

phải là kết quả tốt, kết quả có ích. Kết quả đó có thể là một đại lượng vật chất được tạo ra do có sự chi phí hay mức độ được thỏa mãn của nhu cầu (số lượng sản phẩm, nhu cầu đi lại, giao tiếp, trao đổi...) và có phạm vi xác định (tổng trị giá sản xuất, giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện...)

Từ đó có thể khẳng định, bản chất của hiệu quả chính là hiệu quả của lao động xã hội được xác định bằng cách so sánh lượng kết quả hữu ích cuối cùng thu được với lượng hao phí lao động xã hội.

Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp phải được xem xét một cách toàn diện cả về mặt thời gian và không gian trong mối quan hệ với hiệu quả chung của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Hiệu quả đó bao gồm cả hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

Về mặt thời gian, hiệu quả mà doanh nghiệp đạt được trong từng giai đoạn, từng thời kỳ, từng kỳ kinh doanh không được làm giảm sút hiệu quả của các giai đoạn, các thời kỳ và các kỳ kinh doanh tiếp theo.

Về mặt không gian, hiệu quả kinh doanh chỉ có thể coi là đạt toàn diện khi toàn bộ hoạt động của các bộ phận mang lại hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến hiệu quả chung.

Về mặt định lượng, hiệu quả kinh doanh phải được thể hiện ở mối tương quan giữa thu và chi theo hướng tăng thu giảm chi.

Đứng trên góc độ nền kinh tế quốc dân, hiệu quả mà doanh nghiệp đạt được phải gắn chặt với hiệu quả của toàn xã hội. Đó là đặc trưng riêng thể hiện tính ưu việt của nền kinh tế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa.

5. Vai trò của hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Sự cần thiết của tính hiệu quả trong sản xuất kinh doanh phải được xem xét trên cả ba góc độ: đối với bản thân doanh nghiệp, đối với nền kinh tế quốc dân và đối với người lao động

➤ Đối với doanh nghiệp

Với nền kinh tế thị trường ngày càng mở cửa như hiện nay, sự cạnh tranh cũng ngày càng gay gắt thì điều kiện đầu tiên với mỗi doanh nghiệp về hoạt

động là cần phải quan tâm tới hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh, hiệu quả càng cao thì doanh nghiệp càng đứng vững và phát triển, điều kiện đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện hiện đại phục vụ cho sản xuất kinh doanh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và quy trình công nghệ mới, cải thiện và nâng cao đời sống người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

➤ **Đối với nền kinh tế quốc dân:**

Một nền kinh tế quốc dân có phát triển được hay không luôn đòi hỏi các thành phần kinh tế trong nền kinh tế đó làm ăn có hiệu quả, đạt được những thuận lợi cao, điều này được thể hiện ở những mặt sau:

- Doanh nghiệp kinh doanh tốt, làm ăn có hiệu quả thì điều đầu tiên doanh nghiệp mang lại cho nền kinh tế xã hội là tăng sản phẩm trong xã hội, tạo ra việc làm, nâng cao đời sống dân cư, thúc đẩy kinh tế phát triển. Doanh nghiệp làm ăn có lãi thì sẽ đầu tư nhiều hơn vào quá trình tái sản xuất mở rộng để tạo ra nhiều sản phẩm hơn, đáp ứng nhu cầu đầy đủ, từ đó người dân có quyền lựa chọn sản phẩm phù hợp và tốt nhất, mang lại lợi ích cho mình và cho doanh nghiệp.

- Hiệu quả sản xuất kinh, doanh nghiệp sẽ có điều kiện nâng cao chất lượng hàng hóa, hạ giá thành sản phẩm, dẫn đến hạ giá bán, tạo mức tiêu thụ mạnh cho người dân, điều đó không những có lợi cho doanh nghiệp mà còn có lợi cho nền kinh tế quốc dân, góp phần ổn định và tăng trưởng kinh tế bền vững. Chỉ khi kinh doanh có hiệu quả, doanh nghiệp mới có điều kiện thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

➤ **Đối với người lao động:**

Hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp chi phối rất nhiều tới thu nhập của người lao động, ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống vật chất, tinh thần của họ. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cao mới đảm bảo cho người lao động có được việc làm ổn định, đời sống vật chất, tinh thần cao, thu nhập cao. Ngược lại, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp thấp sẽ khiến cho

người lao động có một cuộc sống không ổn định, thu nhập thấp và luôn đứng trước nguy cơ thất nghiệp.

Nâng cao hiệu quả kinh doanh đồng nghĩa với việc nâng cao đời sống của người lao động trong doanh nghiệp. Nâng cao đời sống người lao động sẽ tạo động lực trong sản xuất, làm tăng năng suất, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Mỗi người lao động làm ăn có hiệu quả sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp, từ đó nâng cao hiệu quả của nền kinh tế quốc dân.

II. Phân loại hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Phạm trù hiệu quả kinh doanh được biểu hiện ở nhiều dạng khác nhau, chính vì vậy việc phân loại hiệu quả sản xuất kinh doanh là cơ sở để xác định các chỉ tiêu hiệu quả. Theo các cách phân loại dựa trên những tiêu chí khác nhau giúp ta hình dung một cách tổng quát về hiệu quả kinh doanh, do vậy có các cách phân loại sau:

1. Hiệu quả tuyệt đối và hiệu quả tương đối

Trong công tác quản lý hiệu quả kinh doanh, việc xác định hiệu quả nhằm hai mục đích:

- phân tích, đánh giá trình độ quản lý, sử dụng các loại chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- phân tích luận chứng về kinh tế xã hội của các phương án khác nhau trong việc thực hiện nhiệm vụ cụ thể nào đó khi chọn lấy một phương án có lợi nhất.

a) Hiệu quả tuyệt đối:

Là hiệu quả được tính toán cho từng phương án bằng cách xác định mức lợi ích thu được so với chi phí bỏ ra.

b) Hiệu quả tương đối:

Là hiệu quả được xác định bằng cách sắp xếp tương quan các đại lượng thể hiện chi phí hoặc các kết quả ở các phương án với nhau, các chỉ tiêu sắp xếp được sử dụng để đánh giá mức độ hiệu quả các phương án để chọn phương án có lợi nhất về kinh tế.

Tuy nhiên, việc xác định ranh giới hiệu quả của các doanh nghiệp phải được xem xét một cách toàn diện cả về mặt không gian và thời gian trong mối quan hệ chung với hiệu quả của toàn nền kinh tế quốc dân.

+ Về mặt thời gian: Hiệu quả mà doanh nghiệp đạt được trong từng giai đoạn, từng thời kỳ kinh doanh không được giảm sút

+ Về mặt không gian: Hiệu quả kinh doanh chỉ có thể đạt được một cách toàn diện khi toàn bộ hoạt động của các bộ phận trong doanh nghiệp mang lại hiệu quả. Mỗi kết quả tính được từ giải pháp kinh tế hay hoạt động kinh doanh nào đó, trong từng đơn vị nội bộ hay toàn đơn vị, nếu không làm tổn hao đối với hiệu quả chung thì được coi là hiệu quả.

2. Hiệu quả chi phí bộ phận và hiệu quả chi phí tổng hợp.

a) Hiệu quả chi phí tổng hợp:

Thể hiện mối tương quan giữa kết quả thu được và tổng hợp chi phí bỏ ra để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Hiệu quả chi phí bộ phận:

Thể hiện mối tương quan giữa kết quả thu được với chi phí của từng yếu tố cần thiết đã được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như: lao động, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu...

Việc tính toán hiệu quả chi phí tổng hợp cho thấy hiệu quả chung của toàn doanh nghiệp hay của nền kinh tế quốc dân. Việc tính toán và phân tích hiệu quả của những chi phí bộ phận cho thấy sự tác động của những nhân tố bộ phận sản xuất kinh doanh đến hiệu quả kinh tế chung. Về nguyên tắc, hiệu quả của chi phí tổng hợp phụ thuộc vào hiệu quả chi phí bộ phận. Việc giảm chi phí bộ phận sẽ giúp giảm chi phí tổng hợp, tăng hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, các doanh nghiệp phải quan tâm, xác định các biện pháp đồng bộ để thu được hiệu quả toàn bộ trên cơ sở các bộ phận.

2. Hiệu quả kinh tế cá biệt và hiệu quả kinh tế quốc dân

a) Hiệu quả kinh tế cá biệt:

Là hiệu quả thu được từ hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh, biểu hiện trực tiếp của hiệu quả này là lợi nhuận mà mỗi doanh nghiệp thu được và chất lượng thực hiện những yêu cầu do xã hội đặt ra cho nó.

b) Hiệu quả kinh tế quốc dân:

Là hiệu quả được tính toán cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Về cơ bản đó là giá trị thặng dư, thu nhập quốc dân hoặc tổng sản phẩm xã hội mà đất nước căn bản thu được trong từng thời kỳ so với lượng vốn sản xuất, lao động xã hội và tài nguyên đã hao phí.

Giữa hiệu quả kinh tế cá biệt và hiệu quả kinh tế quốc dân có mối quan hệ và tác động qua lại lẫn nhau. Trong việc thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, không những cần tính toán và đạt được hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp mà còn cần phải đạt được hiệu quả của nền kinh tế quốc dân. Mức hiệu quả kinh tế quốc dân lại phụ thuộc vào mức hiệu quả cá biệt, nghĩa là phụ thuộc vào sự cố gắng của người lao động, của mỗi doanh nghiệp. Đồng thời hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước cũng có tác động trực tiếp đến hiệu quả cá biệt, ngược lại một chính sách sai lầm sẽ dẫn tới kìm hãm việc nâng cao hiệu quả kinh doanh.

III. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

1. Nhóm nhân tố khách quan:

a) Môi trường kinh doanh và sự cạnh tranh.

Môi trường kinh doanh và sự cạnh tranh có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp muốn hoạt động có hiệu quả thì đòi hỏi tình hình kinh tế - chính trị - xã hội trong nó phải ổn định, thống nhất, phát triển với nhau, đây là yếu tố hàng đầu giúp cho nền kinh tế phát triển, và khi đó các doanh nghiệp chính là nhân tố bên trong giúp cho nền kinh tế có được những bước tiến cao nhất. Những yếu tố đó bao gồm: sự biến động của quan hệ cung cầu, thế và lực của khách hàng, nhà cung ứng, sự thay đổi của các chính sách kinh tế, chính sách đầu tư, chính sách tiền tệ của Nhà nước. Những doanh nghiệp nào thích

ứng được sự thay đổi của thị trường thì doanh nghiệp đó sẽ hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tồn tại, phát triển bền vững, còn không sẽ phải chấp nhận thua lỗ hoặc phá sản.

Yếu tố cạnh tranh luôn là một vấn đề chủ đạo trong nền kinh tế thị trường mở cửa và hội nhập như hiện nay, nó có thể kích thích khả năng kinh doanh của doanh nghiệp, tạo ra các thử thách, thúc đẩy doanh nghiệp luôn phải tiến về phía trước. Tuy nhiên, cạnh tranh gay gắt cũng sẽ đào thải những thành viên còn non nớt, chưa có kinh nghiệm hay không phát huy được mặt mạnh của mình, không tận dụng được các yếu tố thời cơ bên ngoài với nội lực bên trong.

b) Môi trường pháp lý:

Môi trường pháp lý bao gồm: luật, các văn bản dưới luật, các quy định, quyết định... Tất cả những quy định pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh đều tác động trực tiếp đến hiệu quả và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Môi trường pháp lý lành mạnh vừa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình vừa điều chỉnh các hoạt động kinh tế vĩ mô theo hướng đảm bảo lợi ích cho cả doanh nghiệp và xã hội. Ngoài ra các chính sách liên quan đến các hình thức tính thuế, cách tính, thu thuế có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tính công bằng và nghiêm minh của luật pháp ở bất kỳ mức độ nào đều có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nếu môi trường kinh doanh mà mọi thành viên đều tuân thủ luật thì hiệu quả tổng thể sẽ rất lớn, ngược lại, nhiều doanh nghiệp tiến hành những hoạt động kinh doanh bất chính, sản xuất hàng giả, trốn lậu thuế, vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

c) Môi trường chính trị - văn hóa - xã hội:

Chính trị: hình thức thể chế đường lối chính trị của Đảng và Nhà nước quyết định các chính sách, đường lối kinh tế chung, từ đó quyết định các lĩnh vực, loại hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Môi trường chính trị

ổn định sẽ có tác dụng thu hút các hình thức đầu tư nước ngoài liên doanh, liên kết tạo được nguồn vốn lớn cho doanh nghiệp mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Ngược lại nếu môi trường chính trị không ổn định các hoạt động hợp tác sản xuất kinh doanh hầu như không có và các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước cũng gặp khó khăn.

Văn hóa xã hội: có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực. Các yếu tố về văn hóa như: điều kiện xã hội, trình độ giáo dục, tôn giáo, tín ngưỡng, lối sống... đều ảnh hưởng rất lớn. Yếu tố trình độ giáo dục sẽ ảnh hưởng tới doanh nghiệp đào tạo đội ngũ lao động chuyên môn cao và khả năng tiếp thu các kiến thức khoa học - kỹ thuật, tác động tới việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và ngược lại.

d) Môi trường sinh thái và cơ sở hạ tầng:

Tình trạng môi trường, xử lý rác thải, các ràng buộc xã hội về môi trường... có tác động một cách chùng mực tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp khi sản xuất kinh doanh cần phải thực hiện các nghĩa vụ với môi trường như: đảm bảo xử lý chất thải, sử dụng các nguồn lực tự nhiên một cách hiệu quả và tiết kiệm, nhằm đảm bảo một môi trường trong sạch.

Yếu tố cơ sở hạ tầng đóng vai trò hết sức quan trọng đối với việc giảm chi phí sản xuất kinh doanh, trong việc xây dựng cơ sở vật chất liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và giảm thời gian vận chuyển hàng hóa của doanh nghiệp, do đó tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh. Trong nhiều trường hợp, điều kiện cơ sở hạ tầng thấp kém còn ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu tư hoặc gây cản trở đối với các hoạt động cung ứng vật tư, kỹ thuật, mua bán hàng hóa, gây tác động xấu tới hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.Nhóm nhân tố chủ quan.

a) Đội ngũ lao động trong doanh nghiệp.

Đây là một trong những nhân tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp. Người lao động là người trực tiếp tham gia vào hoạt động kinh doanh, là

người thực hiện các mục tiêu doanh nghiệp đề ra. Muốn cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả cao thì doanh nghiệp phải hình thành một cơ cấu lao động tối ưu. Cơ cấu lao động tối ưu khi lượng lao động trong doanh nghiệp đảm bảo hợp lý về số lượng, giới tính, lứa tuổi, có tay nghề kỹ thuật và trình độ phù hợp với đòi hỏi của công việc, đồng thời được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.

Cơ cấu lao động tối ưu còn là cơ sở để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành nhịp nhàng và liên tục, là cơ sở để đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, doanh nghiệp phải xây dựng cho mình các định mức lao động để làm căn cứ xác định chất lượng sản phẩm, chất lượng lao động hao phí. Không những thế, doanh nghiệp phải sử dụng hợp lý và tiết kiệm sức lao động. Đây là biện pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Cơ cấu tổ chức, quản lý của doanh nghiệp.

Một cơ cấu tổ chức hợp lý sẽ phát huy được năng lực của tất cả các bộ phận trong doanh nghiệp, giảm chi phí quản lý, tăng năng suất lao động, hướng tới mục tiêu phát triển chung của doanh nghiệp.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh thì trước tiên phải nâng cao trình độ quản lý, phải nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp. Trước tình hình kinh tế như hiện nay, nhiều doanh nghiệp đã đi vào thua lỗ, phá sản mà nguyên nhân cơ bản lại chính là do sự yếu kém trong quản trị. Do đó phải trang bị hay trang bị lại những kiến thức quản trị hiện đại, tạo điều kiện cho các cán bộ quản lý tham gia vào các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, học hỏi kinh nghiệm quản lý qua các nước phát triển.

Hơn nữa, việc lựa chọn bộ máy quản lý phù hợp với từng doanh nghiệp, từng loại hình kinh doanh, đảm bảo nguyên tắc gọn nhẹ, thống nhất, linh hoạt sẽ giúp quá trình sản xuất đồng bộ, phát huy tối đa nguồn lực.

c) Cơ sở vật chất kỹ thuật.

Cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp là những máy móc, thiết bị, kho bãi, nhà xưởng, văn phòng... Đây đều là những yếu tố vật chất hữu hình quan trọng phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp sẽ đem lại sức mạnh kinh doanh cho doanh nghiệp trên cơ sở sức sinh lời của tài sản. Doanh nghiệp cần có biện pháp quản lý, sử dụng các yếu tố trên một cách hợp lý.

Trong thời đại tốc độ phát triển của khoa học công nghệ hiện nay, công nghệ phát triển nhanh chóng, chu kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng ngắn. Do vậy, sự đổi mới trang thiết bị và công nghệ hiện đại ngày càng đóng vai trò quyết định tới sự thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

d) Hệ thống trao đổi, xử lý thông tin.

Thông tin ngày nay được coi là đối tượng lao động của các nhà kinh doanh và nền kinh tế thị trường gọi đó là nền kinh tế hàng hóa thông tin. Để kinh doanh thành công trong điều kiện cạnh tranh ngày càng tăng như hiện nay, các doanh nghiệp cần có thông tin chính xác về thị trường cung - cầu, đối thủ cạnh tranh, giá cả hàng hóa, các yếu tố đầu vào...

Nguồn thông tin phải đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, chính xác, là cơ sở cho các doanh nghiệp xác định phương hướng kinh doanh, xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn, cũng như hoạch định chương trình kinh doanh ngắn hạn.

e) Vốn.

Vốn là yếu tố hết sức quan trọng góp phần quyết định và phát triển của mọi doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp có khả năng tốt trong việc huy động vốn thì đó sẽ là cơ sở để doanh nghiệp có thể mở rộng hoạt động kinh doanh, góp phần đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa mặt hàng, đa dạng phương thức kinh doanh.

Ngoài ra vốn cũng là nhân tố giúp doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh và giữ ưu thế lâu dài trên thị trường.

IV. Các phương pháp phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh.

1. Phương pháp so sánh.

So sánh là phương pháp được sử dụng phổ biến trong phân tích để xác định xu hướng, mức độ biến động của chỉ tiêu phân tích. Để tiến hành so sánh ta cần phải giải quyết các vấn đề cơ bản như: xác định số gốc so sánh, xác định điều kiện so sánh, mục tiêu so sánh.

Gốc để so sánh ở đây có thể là các trị số của các chỉ tiêu kỳ trước, kỳ kế hoạch hoặc cùng kỳ năm trước (so sánh theo thời gian), có thể là so sánh mức đạt được của các đơn vị với một đơn vị được chọn làm gốc so sánh – đơn vị điển hình trong một lĩnh vực kinh doanh nào đó (so sánh theo không gian).

Khi tiến hành so sánh theo thời gian cần chú ý phải đảm bảo được tính thống nhất về mặt kinh tế, về phương pháp tính các chỉ tiêu, đơn vị tính các chỉ tiêu cả về số lượng thời gian và giá trị.

Mục tiêu so sánh trong phân tích kinh doanh là xác định mức độ biến động tuyệt đối, tương đối, cùng biến động xu hướng của chỉ tiêu phân tích.

- So sánh tuyệt đối: $\Delta = C_1 - C_0$

- So sánh tương đối: $\% \Delta = \frac{C_1}{C_0} \times 100$

C_1 : Số liệu kỳ phân tích.

Ưu điểm lớn nhất của phương pháp so sánh là cho phép tách ra được những nét chung, nét riêng của các hiện tượng được so sánh, trên cơ sở đó đánh giá được các mặt phát triển hay kém phát triển, hiệu quả hay kém hiệu quả để tìm ra các giải pháp hợp lý và tối ưu trong các trường hợp cụ thể

2. Phương pháp thay thế liên hoàn (loại trừ dần)

Trong phân tích kinh doanh, nhiều trường hợp cần nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả sản xuất kinh doanh nhờ phương pháp loại trừ. Loại trừ là phương pháp xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến kết quả sản xuất kinh doanh bằng cách loại trừ ảnh hưởng của các nhân tố khác.

Tính chất của phương pháp này là thay thế dần số liệu gốc bằng số liệu thực tế của một nhân tố ảnh hưởng nào đó. Nhân tố được thay thế đó sẽ phản

ảnh mức độ ảnh hưởng của nó đến chỉ tiêu được phân tích với giả thiết các nhân tố khác là không đổi.

3. Phương pháp liên hệ.

Mọi kết quả kinh doanh đều có mối liên hệ mật thiết với nhau giữa các mặt, bộ phận... Để lượng hóa được mối liên hệ đó, ngoài các phương pháp đã nêu, trong phân tích kinh doanh còn phổ biến cách nghiên cứu mối liên hệ như: liên hệ cân đối, liên hệ trực tuyến, liên hệ phi tuyến.

a) Liên hệ cân đối: Có cơ sở là sự cân bằng về lượng giữa hai mặt của các yếu tố trong kinh doanh. Mối liên hệ cân đối về lượng của các yếu tố dẫn đến sự cân bằng cả về mức biến động (chênh lệch) về lượng giữa các mặt của các yếu tố và quá trình kinh doanh

Trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hình thành nhiều mối quan hệ cân đối, cân đối là sự cân bằng hai mặt của các yếu tố với quá trình kinh doanh (giữa tài sản với nguồn vốn, nguồn thu với nguồn chi, nhu cầu sử dụng vốn với khả năng thanh toán...).

b) Liên hệ trực tuyến: Là mối liên hệ theo một hướng xác định giữa các chỉ tiêu phân tích. Ví dụ như: lợi nhuận tỷ lệ thuận với lượng hàng bán ra, giá bán tỷ lệ thuận với giá thành, thuế.

c) Liên hệ phi tuyến: Là mối liên hệ giữa các chỉ tiêu trong đó mức độ liên hệ không được xác định theo tỷ lệ và chiều hướng liên hệ luôn biến đổi.

Thông thường, chỉ có phương pháp liên hệ cân đối là được dùng phổ biến, còn lại hai phương pháp liên hệ trực tuyến và liên hệ phi tuyến là ít dùng.

4. Phương pháp chi tiết.

Mọi kết quả kinh doanh đều cần thiết và có thể chi tiết theo những hướng khác nhau. Thông thường trong phân tích, phương pháp chi tiết được thực hiện theo những hướng sau:

5. Phương pháp chi tiết theo các bộ phận cấu thành.

Nội dung của phương pháp: Chỉ tiêu phân tích được nghiên cứu là quan hệ cấu thành của nhiều nhân tố, thường được biểu hiện bằng một phương trình

kinh tế có nhiều tích số. Các nhân tố khác nhau có tên gọi khác nhau, đơn vị tính khác nhau.

6. Phương pháp chi tiết theo thời gian.

Nội dung phương pháp: Chia chỉ tiêu tích số trong một khoảng thời gian thành các bộ phận nhỏ hơn là tháng, quý.

Mục đích của phương pháp:

- + Đánh giá năng lực và việc tận dụng các năng lực theo thời gian.
- + Đánh giá việc hoàn thành các chỉ tiêu về tính vững chắc, ổn định.
- + Phát hiện những nhân tố, nguyên nhân có tính quy luật theo thời gian để có giải pháp phát triển doanh nghiệp một cách phù hợp với quy luật, tận dụng tối đa năng lực sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế.

7. Phương pháp chi tiết theo địa điểm.

Nội dung phương pháp: Chia số chỉ tiêu phân tích thành các bộ phận nhỏ hơn theo không gian.

Mục đích của phương pháp:

- + Đánh giá vai trò, tầm quan trọng của từng bộ phận không gian đối với kết quả và biến động của chỉ tiêu.
- + Đánh giá tính hợp lý và hiệu quả của các phương pháp tổ chức quản lý doanh nghiệp đối với từng bộ phận không gian. Qua đó có những giải pháp, biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao không ngừng chất lượng và hiệu quả các phương pháp quản lý.
- + Xác định các tập thể và cá nhân có tính điển hình và tiên tiến, những kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh để có những giải pháp nhân rộng, phát triển.

8. Phương pháp cân đối.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hình thành rất nhiều mối quan hệ cân đối về lượng giữa hai mặt của các yếu tố và quá trình kinh doanh. Dựa vào các mối quan hệ cân đối này, người phân tích sẽ xác định được ảnh hưởng của các nhân tố đến sự biến động của chỉ tiêu phân tích.

9. Phương pháp hồi quy tương quan.

Hồi quy và tương quan là các phương pháp của toán học được vận dụng trong phân tích kinh doanh để biểu hiện và đánh giá mối liên hệ tương quan giữa các chỉ tiêu kinh tế.

Phương pháp tương quan là quan sát mối liên hệ giữa một tiêu thức kết quả và một hoặc nhiều tiêu thức nguyên nhân, nhưng ở dạng liên hệ thực. Còn hồi quy là một phương pháp xác định độ biến thiên của tiêu thức kết quả theo sự biến thiên của tiêu thức nguyên nhân. Nếu quan sát đánh giá mối liên hệ giữa một tiêu thức kết quả và một tiêu thức nguyên nhân gọi là tương quan đơn và ngược lại gọi là tương quan bội.

V. Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Để đánh giá chính xác có cơ sở khoa học hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cần phải xây dựng các chỉ tiêu phù hợp bao gồm các chỉ tiêu chi tiết. Các chỉ tiêu chi tiết đó phải phản ánh được sức sản xuất, các hao phí cũng như sức sinh lợi của từng yếu tố, từng loại vốn.

1. Hiệu quả sử dụng lao động

Trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, thì con người được xem như là một yếu tố quan trọng nhất. Sử dụng lao động có hiệu quả sẽ làm tăng khối lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, việc đánh giá hiệu quả lao động trong doanh nghiệp là hết sức cần thiết. Để đánh giá về tình hình lao động, người ta thường dùng các chỉ tiêu sau:

$$\text{Sức sản xuất của lao động} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng lao động BQ}}$$

$$\text{Sức sinh lợi của lao động} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tổng lao động BQ}}$$

Đây là cặp chỉ tiêu phản ánh tương đối đầy đủ về hiệu quả sử dụng lao động trong kỳ của doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, để có thể đánh giá toàn diện về hiệu quả sử dụng lao động, người ta còn sử dụng các chỉ tiêu khác như hiệu suất sử dụng thời gian lao động. Các chỉ tiêu này cho phép đánh giá hiệu quả sử dụng lao động và sử dụng số lượng thời gian lao động hiện có, giảm lượng lao động dư thừa, nâng cao hiệu suất sử dụng lao động trong doanh nghiệp.

2. Hiệu quả sử dụng chi phí

Chi phí kinh doanh là một phạm trù kinh tế quan trọng. Đó là tất cả các chi phí tồn tại và phát sinh gắn liền với quá trình hoạt động kinh doanh từ khâu hình thành và tồn tại doanh nghiệp, đến khâu tạo ra sản phẩm và tiêu thụ xong.

Hiệu quả sử dụng chi phí đồng nghĩa với việc doanh nghiệp có thể mang lại bao nhiêu đồng doanh thu hay bao nhiêu đồng lợi nhuận từ một đồng chi phí.

**) Sức sản xuất của chi phí*

$$\text{Sức sản xuất của chi phí} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng chi phí}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh mỗi đồng chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra thì sẽ thu về được bao nhiêu đồng doanh thu.

**) Sức sinh lời của chi phí*

$$\text{Sức sinh lợi của chi phí} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tổng chi phí}}$$

3. Hiệu quả sử dụng tài sản

a) Hiệu quả sử dụng tổng tài sản

Tài sản của doanh nghiệp là toàn bộ phương tiện vật chất và phi vật chất phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho hoạt động kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra của doanh nghiệp.

**) Sức sản xuất của tổng tài sản*

$$\text{Sức sản xuất của tài sản} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tài sản bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho thấy mỗi đồng tài sản đã mang lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng doanh thu. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng tài sản càng có hiệu quả.

**) Suất sinh lời của tổng tài sản*

Chỉ tiêu này cho thấy cứ một đồng tài sản sẽ mang lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng lợi nhuận trong kỳ. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng tài sản càng có hiệu quả. Chỉ tiêu này được xác định bằng công thức sau:

b) Hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn

**) Sức sản xuất của tài sản ngắn hạn*

$$\text{Sức sản xuất của tài sản ngắn hạn} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tài sản ngắn hạn bình quân}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh trong mỗi kỳ nhất định tài sản ngắn hạn luân chuyển được bao nhiêu vào hay mỗi đồng tài sản ngắn hạn tham gia vào quá trình kinh doanh sẽ tạo được bao nhiêu đồng doanh thu. Chỉ tiêu này có thể sử dụng để so sánh giữa các kỳ của một đơn vị hoặc giữa các đơn vị cùng quy mô trong một thời kỳ.

**) Sức sinh lời của tài sản ngắn hạn*

$$\text{Sức sinh lợi của tài sản ngắn hạn} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tài sản ngắn hạn bình quân}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh mỗi đồng vốn bỏ vào đầu tư tài sản ngắn hạn thì sẽ mang lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn càng lớn.

d) Hiệu quả sử dụng tài sản cố định

Tài sản cố định là bộ phận tài sản phản ánh năng lực sản xuất hiện có, trình độ tiên bộ khoa học kỹ thuật và trình độ trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp. Tài sản cố định là điều kiện cần thiết để giảm nhẹ sức lao động và nâng cao năng suất lao động.

*) *Sức sản xuất của tài sản cố định*

$$\text{Sức sản xuất của tài sản cố định} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tài sản cố định bình quân}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh mỗi đồng vốn bỏ vào đầu tư tài sản cố định thì sẽ mang lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng doanh thu.

*) *Sức sinh lời của tài sản cố định*

$$\text{Sức sinh lời của tài sản cố định} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tài sản cố định bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho thấy cứ một đồng vốn chủ sở hữu doanh nghiệp bỏ ra thì sẽ thu lại được bao nhiêu lợi nhuận sau thuế trong kỳ. Đây là chỉ tiêu quan trọng nhất của người chủ doanh nghiệp. Nó phản ánh hiệu quả của việc đầu tư.

4. Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được hình thành từ khi thành lập doanh nghiệp và bổ sung trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Vốn chủ sở hữu phản ánh sức mạnh về tài chính cũng như sức mạnh chung của doanh nghiệp. Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tăng chứng tỏ doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh, có vị trí cao hơn trên thị trường và ngày càng có điều kiện mở rộng kinh doanh từ nguồn vốn của chính bản thân doanh nghiệp.

*) *Sức sản xuất của vốn chủ sở hữu*

$$\text{Sức sản xuất của vốn CSH} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Chỉ tiêu sức sản xuất của vốn chủ sở hữu phản ánh khả năng hiệu quả của việc đầu tư từ mỗi đồng vốn chủ sở hữu thì doanh nghiệp sẽ thu được bao nhiêu đồng doanh thu.

**) Sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu*

Lợi nhuận

$$\text{Sức sinh lợi của vốn CSH} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Chỉ tiêu sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu cho thấy cứ một đồng vốn chủ sở hữu doanh nghiệp bỏ ra thì sẽ thu lại được bao nhiêu lợi nhuận sau thuế trong kỳ. Đây chính là chỉ tiêu ROE và là chỉ tiêu quan trọng nhất đối với người chủ doanh nghiệp.

5. Một số chỉ tiêu tài chính khác:

a) Tỷ số cơ cấu tài sản:

Đây là một dạng tỷ suất phản ánh khi doanh nghiệp sử dụng bình quân một đồng vốn kinh doanh thì dành ra bao nhiêu để hình thành TSLĐ, còn bao nhiêu để đầu tư vào TSCĐ. Hai tỷ suất sau đây sẽ phản ánh việc bố trí cơ cấu tài sản của doanh nghiệp:

- Tỷ suất đầu tư vào TSCĐ:

$$\text{Tỷ suất đầu tư vào TSCĐ} = \frac{\text{TSCĐ}}{\text{Tổng tài sản}}$$

- Tỷ suất đầu tư vào TSLĐ:

$$\text{Tỷ suất đầu tư vào TSLĐ} = \frac{\text{TSLĐ}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Tỷ suất đầu tư vào TSCĐ càng cao thể hiện mức độ quan trọng của TSCĐ trong tổng TS mà doanh nghiệp đang sử dụng vào kinh doanh, phản ánh tình hình trang bị cơ sở vật chất, năng lực sản xuất và xu hướng phát triển lâu dài cũng như khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

b) Các chỉ số hoạt động:

- Kỳ thu tiền bình quân:

360

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Bình quân các khoản phải thu}}$$

Vòng quay kỳ thu tiền bình quân càng nhỏ chứng tỏ doanh nghiệp luôn đảm bảo thu hồi vốn kinh doanh một cách nhanh nhất, các khoản tiền được luân chuyển nhanh, không bị chiếm dụng vốn.

- Vòng quay vốn lưu động:

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{VLD bình quân}}$$

Chỉ số này cho biết vốn lưu động của doanh nghiệp đã quay được bao nhiêu vòng trong kỳ. Nếu số vòng quay lớn chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn lưu động được luân chuyển liên tục, không bị ứ đọng vốn, còn gọi là “Hệ số luân chuyển”.

- Thời gian một vòng luân chuyển Vốn lưu động:

$$\text{Kỳ luân chuyển vốn lưu động} = \frac{\text{Thời gian của kỳ phân tích}}{\text{Số vòng quay vốn lưu động trong kỳ}}$$

Chỉ số này cho biết thời gian cần thiết cho vốn lưu động quay được một vòng. Thời gian vốn luân chuyển càng nhỏ thì tốc độ luân chuyển càng lớn và làm rút ngắn chu kỳ kinh doanh vòng quay vốn hiệu quả cao hơn...

c) Chỉ số sinh lời:

Các chỉ số sinh lời luôn luôn được các nhà quản trị tài chính quan tâm. Chúng là cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định, là đáp số sau cùng của hiệu quả kinh doanh và còn là một luận cứ quan trọng để đưa ra quyết định tài chính trong tương lai... - Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu:

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu = $\frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Doanh thu thuần}}$

Phản ánh một đồng doanh thu mà DN thực hiện trong kỳ có mấy đồng lợi nhuận.

- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản:

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản = $\frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tổng tài sản}}$

Phản ánh 1 đồng giá trị tài sản mà doanh nghiệp đã huy động vào sản xuất kinh doanh tạo ra mấy đồng lợi nhuận.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu:

Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH = $\frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$

Phản ánh 1 đồng vốn chủ sở hữu mà doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất kinh doanh tạo ra mấy đồng lợi nhuận.

6. Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

Mục tiêu hoạt động của các doanh nghiệp là không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh vì mục đích kinh doanh của các doanh nghiệp luôn là tìm kiếm lợi nhuận để bù đắp chi phí sản xuất, tránh những rủi ro gặp phải và để tồn tại và phát triển. Nếu không có lợi nhuận, doanh nghiệp không thể trả công cho người lao động, duy trì việc làm lâu dài của họ, cũng như không thể cung cấp hàng hoá, dịch vụ lâu dài cho khách hàng và cộng đồng. Đồng thời xu thế nền kinh tế các nước hiện nay là mở cửa và hội nhập, các doanh nghiệp xuất hiện ngày càng nhiều, nhận thức nhu cầu của con người ngày càng cao và đa dạng. Điều này buộc các doanh nghiệp muốn tồn tại phải không ngừng mở rộng sản xuất kinh doanh, cải tiến sản phẩm và dịch vụ cung cấp ngày càng phong phú đa dạng .

Như vậy, các doanh nghiệp cần phải nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh vì những lý do sau :

– Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, môi trường cạnh tranh gay gắt thì nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh là điều kiện tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh có thể làm tăng khả năng cạnh tranh, đứng vững của doanh nghiệp trên thị trường. Hiệu quả sản xuất kinh doanh càng cao doanh nghiệp càng có khả năng mở rộng vốn kinh doanh, đầu tư mua sắm trang thiết bị máy móc hiện đại, tăng phạm vi quy mô kinh doanh bằng đồng vốn của mình, thực hiện văn minh thương nghiệp. Ngược lại, một doanh nghiệp nếu không biết nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh thì tới một lúc nào đó doanh nghiệp sẽ bị đào thải trước qui luật cạnh tranh của thị trường .

– Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh góp phần giải quyết mối quan hệ giữa tập thể, nhà nước và người lao động. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh làm lợi thu được sau quá trình sản xuất kinh doanh tăng, quỹ phúc lợi tập thể được nâng lên, đời sống người lao động từng bước được cải thiện, nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách nhà nước tăng .

– Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh là một yêu cầu của quy luật tiết kiệm. Hiệu quả sản xuất kinh doanh và quy luật tiết kiệm có mối quan hệ mật thiết với nhau – đó là hai mặt của một vấn đề. Thực hiện tiết kiệm là một biện pháp để có hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Ngược lại, việc đạt được hiệu quả kinh doanh cao chứng tỏ doanh nghiệp đã thực hiện được nguyên tắc tiết kiệm. Bởi vì, hiệu quả sản xuất kinh doanh là một chỉ tiêu so sánh biểu hiện mức độ chi phí trong một đơn vị, kết quả hữu ích trong một thời kỳ. Một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả thì số chi phí bỏ ra sẽ ít hơn so với doanh nghiệp sản xuất không có hiệu quả. Do vậy, muốn tiết kiệm được tối đa chi phí sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp nhất thiết phải nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh .

Tóm lại, hiệu quả sản xuất kinh doanh được coi như là một trong những công cụ để các nhà quản trị thực hiện chức năng của mình. Việc xem xét và tính

toán hiệu quả sản xuất kinh doanh không những cho biết việc sản xuất đạt được ở trình độ nào mà còn cho phép các nhà quản trị phân tích và tìm ra các nhân tố để đưa ra các biện pháp thích hợp trên cả hai phương diện: tăng kết quả sản xuất và giảm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh .

CHƯƠNG 2

TỔNG QUAN VÀ THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SẢN XUẤT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XẾP DỠ DỊCH VỤ VẬN TẢI HẢI LONG

II. Quá trình hình thành và phát triển công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long

1. Giới thiệu về công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long

Tên công ty: Công Ty Thương Mại Xếp Dỡ Dịch Vụ Vận Tải Hải Long

Mã số thuế: 0201181074

Chủ sở hữu: **Đinh Thị Hạnh**

Nơi đăng ký quản lý: Chi cục Thuế Quận Ngô Quyền

Ngày cấp phép: 14-06-2011

Địa chỉ: **Số 11A/28/189 Đông Khê, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**

Điện Thoại: (031)3722671

Số Fax: (031)3722671

Ngành nghề chính: **Bốc xếp hàng hóa**

Ngân hàng giao dịch: **Ngân Hàng Liên Việt Post Bank CN Hải Phòng**

Tên giao dịch: **HAI LONG TRANSPORT SERVICE UNLOADING**

TRADING COMPANY LIMITED

Số tài khoản ngân hàng: 43603600010717040016

2. *Quá trình hình thành và phát triển*

Tuy là một đơn vị mới thành lập nhưng cho đến nay Công ty đã nhanh chóng đi vào ổn định và đã đạt được những thành tựu nhất định.

Trong những ngày đầu mới thành lập Công ty gặp rất nhiều khó khăn bởi vì tất cả mới chỉ là con số không. Công ty phải từng bước dần dựng công việc, đi tìm đầu vào và đầu ra cho hoạt động kinh doanh của mình. Đội ngũ nhân viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công việc, chưa tìm hiểu, nắm bắt nhu cầu thị

trường. Nhưng trong hoàn cảnh khó khăn như vậy. Công ty đã xây dựng được tinh thần làm việc có tập thể có trách nhiệm, kích lệ các yếu tố tích cực, mạnh dạn vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đầu tư vào máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

- Năm 2011: Xuất phát từ năng lực khả năng của công ty, từ nhu cầu dịch vụ xã hội, công ty được thành lập năm 2011 Công ty thành lập và đặt trụ sở tại: Số 11A/28/189 Đông Khê, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
- Năm 2012: Công ty bước vào hoạt động ổn định
- Năm 2014 Công ty đang trên đà thu hồi vốn, lợi nhuận tăng

3. Mục tiêu và chức năng

a) Mục tiêu

Sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

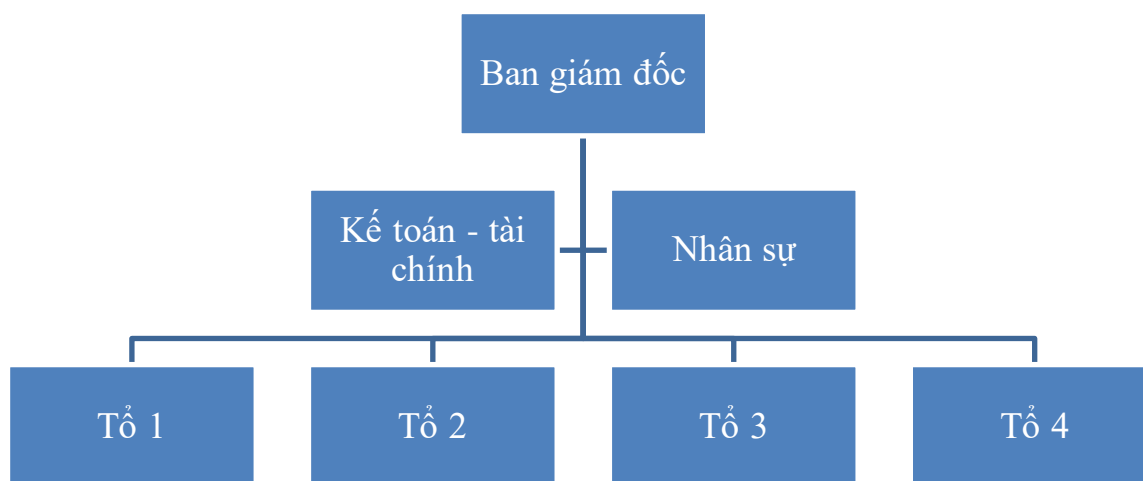
Khai thác cung cấp dịch vụ cảng biển nhằm đáp ứng nhu cầu của Cảng Hải Phòng và mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ đến các cảng khác trong khu vực Tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, thu hút nhà đầu tư, giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, đóng góp vào ngân sách Nhà Nước theo đúng quy định.

Phát triển thành một doanh nghiệp lớn mạnh, có khả năng cạnh tranh trong ngành và khu vực.

b) Chức năng:

Xếp dỡ hàng hóa tại các kho bãi

4. Sơ đồ cơ cấu tổ chức



Ban Giám Đốc

+ 1 Giám Đốc: Đinh Thị Hạnh

+ 1 Phó Giám Đốc: Phạm Văn Thắng

Tìm hiểu đàm phán và ký kết hợp đồng.

Kết hợp với phòng dịch vụ lên kế hoạch giao nhận hàng cho khách hàng.

Lập kế hoạch quảng cáo và xúc tiến nhằm quảng bá hình ảnh cho công ty.

Khởi Văn Phòng

Nhân Viên bộ phận Kế toán – Tài chính: Cố vấn cho giám đốc công tác tài chính theo quy định của pháp luật, quản lý tài sản của công ty, thu hồi công nợ, tính lương, quyết toán định kỳ với ngân hàng

Nhân Viên bộ phận Nhân sự: Có nhiệm vụ chính là quản lý nguồn nhân lực trong Công ty.

Lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong Công ty.

Các tổ đội

Mỗi đội bao gồm:

- Một Đội trưởng – Bao quát và quản lý tất cả công nhân trong tổ, xử lý căng thẳng hướng xảy ra ở cầu cảng, kho bãi,...

- Một Đội phó – Lên lịch và theo dõi thời gian làm việc của công nhân trong tổ, giám sát các công nhân trong thời gian làm việc.

6. Những thuận lợi và khó khăn của công ty

a) Thuận lợi

+ Vận tải hàng hóa nói chung và vận chuyển hàng hóa bắc nam giá rẻ nói riêng đã phát triển mạnh mẽ. Các đơn vị vận tải lớn nhỏ tăng nhanh về mặt số lượng và cả chất lượng, ngày càng tạo được uy tín đối với khách hàng trong và ngoài nước.

+ Cơ sở hạ tầng đường bộ được cải thiện và nâng cấp, các dự án mở rộng các tuyến đường ngày càng cao đặc biệt là tuyến đường bắc – nam, dự án mở rộng tuyến quốc lộ 1A đã được thông suốt..

+ Công nhân có tay nghề và chuyên môn kỹ thuật tốt, luôn giữ được uy tín với khách hàng.

+ Thực hiện tốt các hợp đồng giữa doanh nghiệp và khách hàng.

b) Khó khăn

+ Sự tăng trưởng về phương tiện một cách ồ ạt, mạo hiểm, thiếu thận trọng trong đầu tư, lượng xe tại thời điểm này có mức độ tăng trưởng đột biến, người người làm vận tải, nhà nhà làm vận tải và ở đâu đó đang còn thiếu vắng tính chuyên nghiệp về dịch vụ vận chuyển khiến cho lượng hàng hóa vốn đã đang khan hiếm nay lại càng khó khăn hơn và xuất hiện những vấn đề cạnh tranh không lành mạnh

+ Luôn có đối thủ tiềm ẩn

II. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

1. Kết cấu lao động và hình thức trả lương của công ty

a) Phân tích hiệu quả sử dụng lao động.

Lao động là một trong ba yếu tố quan trọng nhất của quá trình sản xuất kinh doanh, là yếu tố mang tính quyết định. Dù máy móc trang thiết bị có hiện đại đến đâu cũng không thể tự bản thân nó tạo ra của cải vật chất được mà còn phải có sự tác động của con người để có thể biến đổi đầu vào thành đầu ra.

Sử dụng tốt nguồn lao động là biểu hiện trên các mặt về số lượng và thời gian lao động. Đó là yếu tố hết sức quan trọng làm tăng khối lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Do vậy, quản lý và sử dụng lao động có hiệu quả cần được quan tâm hàng đầu trong doanh nghiệp và cần được coi là một trong những biện pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Việc phân tích hiệu quả sử dụng lao động cần được tiến hành một cách thường xuyên, thận trọng và có hiệu quả nhằm nắm bắt được tình hình lao động trong công ty, từ đó có các biện pháp tuyển dụng, đào tạo, sử dụng lao động hợp lý, mang lại hiệu quả cao.

Sau đây là một số chỉ tiêu phân tích hiệu quả sử dụng lao động của công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long trong hai năm 2016 – 2017.

❖ *Phân tích cơ cấu lao động của công ty*

Bảng 1. Bảng Phân tích cơ cấu lao động của công ty năm 2016 – 2017

Chỉ tiêu		Năm 2017		Năm 2016	
		Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
Tổng số lao động		159	100%	136	100%
Phân loại theo giới tính	Nam	149	93,77%	128	94,12%
	Nữ	10	6,23%	8	5,88%
Phân loại theo trình độ	Đại học	2	1,25%	2	1,47%
	Cao đẳng, Trung cấp	6	3,77%	3	2,2%
	Lao động phổ thông	127	79,88%	115	84,57%
	Lao động chưa qua đào tạo	24	15,1%	16	11,76%

Theo báo cáo của công ty, số lao động bình quân năm 2017 là 159 người tăng so với năm 2016 là 23 người. Do công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải đòi hỏi lao động phải có sức khỏe và trình độ kỹ thuật nhất định. Đáp ứng yêu cầu đó, đội ngũ nhân viên của công ty hầu hết đều là những lao động phổ thông

127 và 24 lao động chưa qua đào tạo chiếm 79,88% năm 2017 tăng so với năm 2016 là 115 lao động phổ thông và 16 lao động chưa qua đào tạo. Điều này cho thấy Công ty đang có hướng mở rộng quy mô trong giới gian sắp tới, nhưng phải cần thêm thời gian để hướng dẫn, đào tạo cho số lượng lao động mới còn non trẻ, và chưa có kinh nghiệm.

Theo giới tính, lao động trong Công ty được chia theo nhóm là giới tính nam và giới tính nữ. Bảng trên cho thấy số lao động là nam giới nhiều hơn hẳn so với lao động là nữ giới. Xét về tỷ lệ, nam giới chiếm hơn 93,77% tổng số lao động toàn Công ty. Điều này có thể giải thích được là do đặc thù của Công ty hoạt động trong lĩnh vực cầu cảng, công việc mang tính nặng nhọc và nhiều yêu cầu kỹ thuật nên phù hợp với lao động là nam giới hơn. Trong 2 năm gần đây tỷ lệ lao động có một vài sự thay đổi:

+ Số lao động nam năm 2016 là 128 chiếm 94,12 % nhưng đến năm 2017 là 159 người chiếm 93,77%

+ Số lao động nữ cũng có xu hướng tăng, nhưng tăng không đáng kể, chỉ tăng 2 người. Tỷ lệ năm 2016 chiếm 5,88% đến năm 2017 chiếm 6,23% tổng số lao động toàn Công ty.

Trình độ lao Công ty chia làm 5 trình độ: Cao nhất là trình độ đại học rồi đến cao đẳng, trung cấp, Lao động phổ thông cuối cùng là lao động chưa qua đào tạo.

Tỷ lệ lao động có trình độ đại học năm 2016 là 2 người chiếm 1,47% toàn công ty, đến năm 2017 số lượng này vẫn giữ nguyên chiếm 1,25%... Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp tăng chênh lệch 3 người, chiếm tỷ lệ năm 2016 là 2,2% và 2017 là 3,77% toàn công ty . Điều này chứng tỏ ban lãnh đạo đã có hướng điều chỉnh tuyển những người có trình độ, nhưng sự thay đổi này chưa được đáng kể.

❖ *Hiệu quả sử dụng lao động*

Bảng 2. Sức sản xuất và sức sinh lợi của lao động:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch	Tốc độ tăng trưởng
Doanh thu thuần	34.423.446.746	26.543.683.277	7.879.763.469	29,7%
Lợi nhuận sau thuế	5.531.892.129	3.347.590.692	2.184.301.437	65,2%
Tổng lao động bình quân	159	136	23	16.9%
Sức sản xuất của lao động	216.449.665	195.174.141	21.275.521	10,1%
Sức sinh lợi của lao động	34.791.774	24.614,637	10.177.137	41,3%

Ta thấy rằng trong năm 2017, doanh thu và lợi nhuận cùng với số lao động của công ty đều tăng, do đó sức sản xuất của lao động và sức sinh lợi của lao động của Công ty cũng tăng mạnh. Cụ thể:

Sức sản xuất của lao động năm 2016 là 195.174.141 thì đến năm 2017 đạt 216.449.665 đồng tăng so với năm 2016 là 21.275.521 đồng và tốc độ tăng là 10,1%. Với sức sản xuất của lao động như vậy, trong năm 2017 trung bình mỗi nhân viên của công ty làm ra 216.449.665 đồng doanh thu cho công ty, con số này so với năm 2016 tăng 21.275.521 đồng

Sức sinh lợi của lao động năm 2017 là 34.791.774 đồng tăng so với mức 24.614,637 đồng của năm 2016. Như vậy, trung bình mỗi lao động trong năm 2016 tạo ra được cho công ty 24.614,637 đồng lợi nhuận thì đến năm 2017 trung bình mỗi lao động tạo ra cho công ty 34.791.774 đồng lợi nhuận, tăng gần một nửa so với năm 2016.

Sức sản xuất của lao động và sức sinh lời của lao động ta thấy rằng trong năm 2016 tăng mạnh so với năm 2016 chứng tỏ trong năm 2010 công ty đã sử dụng lao động hợp lý và có hiệu quả.

Sức sản xuất của lao động chịu tác động của hai nhân tố là số lao động và doanh thu và sức sinh lợi của lao động chịu tác động từ hai nhân tố là số lao động và lợi nhuận. Sau đây ta sẽ xem xét kỹ hơn về ảnh hưởng của từng nhân tố lên sức sản xuất và sức sinh lợi của lao động.

Các kí hiệu:

DT_i, LN_i : doanh thu, lợi nhuận của công ty năm i

LD_i : số lao động bình quân năm i

$\Delta SSX_{ld}, \Delta SSL_{ld}$: chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lợi của lao động năm $i+1$ và năm i

$\Delta SSX_{ld}(X), \Delta SSL_{ld}(X)$: chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lợi của lao động năm $i+1$ và năm i do ảnh hưởng của nhân tố X

***) Sức sản xuất của lao động**

$$\text{Sức sản xuất của lao động} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng lao động bình quân}}$$

Xét ảnh hưởng của nhân tố lao động lên sức sản xuất của lao động

$$\Delta SSX_{ld}(LD) = \frac{DT_{2016}}{LD_{2017}} - \frac{DT_{2016}}{LD_{2016}} = \frac{26.543.683.277}{159} - \frac{26.543.683.277}{136} = 28.232.737$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu lên sức sản xuất của lao động

$$\Delta SSX_{ld}(DT) = \frac{DT_{2017}}{LD_{2017}} - \frac{DT_{2016}}{LD_{2017}} = \frac{34.423.446.746}{159} - \frac{26.543.683.277}{159} = 49.558.260$$

Như vậy, lao động giảm đã ảnh hưởng đến sức sản xuất của lao động. Cụ thể lao động 23 người đã làm cho sức sản xuất của lao động tăng lên 28.232.737 đồng. Doanh thu tăng mạnh đã làm tăng sức sản xuất của lao động lên 49.558.260 đồng. Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố lao động và doanh thu lên sức sản xuất của lao động của Công ty như sau:

$$\Delta SSX_{ld} = 28.232.737 - 49.558.260 = -21.325.523$$

***) Sức sinh lợi của lao động**

- Sức sinh lợi của lao động = $\frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tổng lao động bình quân}}$

$$\Delta SSSLd = \frac{LN2017}{LD2017} - \frac{LN2016}{LD2016}$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố lao động lên sức sản xuất của lao động

$$\Delta SSSLd(LD) = \frac{LN2017}{LD2017} - \frac{LN2016}{LD2016} = \frac{3.347.590.692}{159} - \frac{3.347.590.692}{136} = 3.560.608$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu lên sức sinh lợi của lao động

$$\Delta SSSLd(DT) = \frac{LN2017}{LD2017} - \frac{LN2016}{LD2016} = \frac{5.531.892.129}{159} - \frac{3.347.590.692}{136} = 10.177.137$$

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố lao động và lợi nhuận lên sức sinh lợi của lao động của Công ty:

$$\Delta SSSLd = -3.560.608 - 10.177.137 = -13.737.745$$

Kết luận: Trong năm 2017 công ty sử dụng lao động có hiệu quả hơn so với năm 2016 thể hiện ở sức sản xuất và sức sinh lợi của lao động năm 2017 đều tăng so với năm 2016

b). Hình thức trả lương

Công ty ấn định trực tiếp lương hàng tháng cho người lao động:

- + Giám Đốc: 12.000.000đ/tháng
- + Phó Giám Đốc: 8.000.000đ/tháng
- + Kế Toán Trưởng: 7.000.000đ/tháng
- + Nhân Viên Khối Văn Phòng: 5.000.000đ/tháng
- + Lao Động Phổ Thông: 5.500.000đ/tháng
- + Lao Động chưa qua đào tạo: 4.000.000đ/tháng

III. Các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm 2016 – 2017

Bảng 3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	So sánh	
					±	%
1	Sản lượng	Tấn	77.956	85.708	7.752	9,9
2	Doanh thu	1.000đ	26.543.683.277	34.423.446.746	7.879.763.469	29,7
3	Chi phí	1.000đ	23.196.092.585	28.891.554.617	5.695.462.032	24.5
4	Lợi nhuận	1.000đ	3.347.590.692	5.531.892.129	2.184.301.437	65,2

Qua bảng số liệu trên ta có thể rút ra một số đánh giá tổng quát sau:

- **Về sản lượng:**

Năm 2017, sản lượng đạt 85.708 tấn tăng 9,9% so với năm 2016 đạt 77.956 tấn. Nguyên nhân chính là do số lượng lao động cũng như lao động có tay nghề tăng lên

- **Về doanh thu:**

Sản lượng tăng kéo theo doanh thu tăng. Năm 2017, doanh thu của công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long tăng 7.879.763.469 đồng, tương ứng với mức tăng 29.7% so với năm 2016. Công ty cần có các biện pháp nhằm duy trì và phát triển làm tăng doanh thu vào các năm tiếp theo.

- **Về chi phí:**

Trong hai năm 2016 – 2017, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã tăng nhanh do giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng, mức tăng là 5.695.462.032 đồng, tương ứng với 24.5%.

- **Về lợi nhuận:**

Tuy bị ảnh hưởng ít nhiều bởi suy thoái kinh tế, nhưng do số lượng lao động có tay nghề và lao động trẻ tăng lên nên lợi nhuận của công ty tăng. Lợi nhuận năm 2017 tăng so với năm 2016 là 2.184.301.437 đồng, tương ứng với mức tăng 65.2%.

2. Phân tích chi phí của công ty trong 2 năm 2016 – 2017

Bảng 4. Bảng phân tích chi phí của công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Tỷ trọng (%)	Năm 2017	Tỷ trọng (%)	So sánh	
						±	%
Doanh thu	1.000đ	26.543.683.277	100	34.423.446.746	100	7.879.763.469	29,7
Giá vốn hàng bán	1.000đ	20.096.530.252	95,98	25.250.651.531	95,63	5.154.121.279	25,65
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.000đ	2.262.664.660	0,012	2.534.524.660	0,017	271.860.000	12,02
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000đ	836.897.673	4,008	1.106.378.426	4,2	269.480.753	32,2
Tổng chi phí	1.000đ	23.196.092.585	100	28.891.554.617	100	5.695.462.032	24,5

Sự tăng mạnh của doanh thu cũng làm tổng chi phí của doanh nghiệp năm 2017 tăng 24,5% tương đương 5.695.462.032 đồng. Tuy nhiên tốc độ tăng của chi phí là 24,5 %, nhỏ hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu 29,7% chứng tỏ hoạt động kinh doanh năm 2017 có hiệu quả hơn so với năm 2016.

Nhìn vào bảng trên ta thấy rằng trong tổng chi phí của công ty, giá vốn hàng bán, chi phí hoạt động và các khoản chi phí tương tự chiếm phần lớn trong tổng chi phí của công ty. Ta cũng dễ dàng nhận thấy rằng trong năm 2017 cơ cấu chi phí của công ty có một sự thay đổi rõ rệt .Sau đây ta sẽ xem xét kỹ hơn về từng khoản mục chi phí.

Ta nhận thấy chi phí *giá vốn hàng bán* luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí. Đây là điều phù hợp với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa. Năm 2016, chi phí này là 20.096.530.252 đồng chiếm 95,98% tổng chi phí. Đến năm 2017 lượng giá vốn hàng bán đã tăng lên đạt 25.250.651.531 đồng chiếm 95,63%. Tốc độ giảm là 0,35%

Chi phí hoạt động của công ty là các khoản chi không trực tiếp mang lại lợi nhuận nhưng không thể thiếu, bao gồm các khoản như chi phí cho nhân viên, chi về tài sản, chi cho hoạt động quản lý và công vụ... Cũng như hầu hết các khoản mục chi phí khác, chi phí hoạt động của năm 2017 cũng tăng về giá trị so với năm 2016, tỷ trọng chi phí hoạt động năm 2017 đã tăng 0,005% so với năm 2016.

Kết luận: Nhìn một cách tổng quát ta thấy rằng trong năm 2017 cả doanh thu và chi phí của công ty năm 2010 đều tăng mạnh. Ta cũng dễ dàng nhận thấy rằng lợi nhuận, tức chênh lệch giữa thu nhập và chi phí, của công ty trong năm 2017 cũng tăng một cách rõ rệt.

❖ *Phân tích hiệu quả sử dụng chi phí*

Bảng 5. Sức sản xuất và sức sinh lợi của tổng chi phí

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch	Tốc độ tăng trưởng
Doanh thu thuần	34.423.446.746	26.543.683.277	7.879.763.469	29,7%
Lợi nhuận sau thuế	5.531.892.129	3.347.590.692	2.184.301.437	65,2%
Tổng chi phí	28.891.554.617	23.196.092.585	5.695.462.032	24,5%
Sức sản xuất của tổng chi phí	1,19	1,14	0,05	4,38%
Sức sinh lợi của tổng chi phí	0,19	0,14	0,05	4,38%

Sức sản xuất của tổng chi phí và sức sinh lợi của công ty năm 2017 tăng so với năm 2016. Sức sản xuất của chi phí năm 2016 là 1,14 và sức sản xuất của chi phí năm 2017 đã tăng lên là 1,19. Sức sản xuất của chi phí lớn hơn 1 có nghĩa là công ty làm ăn có lãi và do đó sức sinh lợi của công ty sẽ lớn hơn 0.

Sức sản xuất và sức sinh lợi của tổng chi phí chịu tác động của hai nhân tố: tổng chi phí và doanh thu / lợi nhuận. Sau đây ta sẽ xét ảnh hưởng của từng nhân tố đến sức sản xuất và sức sinh lợi của tổng chi phí.

Các ký hiệu sử dụng: DT_i, LN_i : doanh thu, lợi nhuận của công ty năm i

TCP_i : Tổng chi phí năm i

$\Delta SSX_{TCP}, \Delta SSL_{TCP}$: chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lợi của tổng chi phí năm $i+1$ và năm i

$\Delta SSX_{TCP}(X), \Delta SSL_{TCP}(X)$: chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lợi của lao động năm $i+1$ và năm i do ảnh hưởng của nhân tố X

***) Sức sản xuất của tổng chi phí**

$$\text{Sức sản xuất của chi phí} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng chi phí}}$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố tổng chi phí lên sức sản xuất của tổng chi phí

$$\Delta SSX_{tcp}(TCP) = \frac{DT_{2016}}{TCP_{2017}} - \frac{DT_{2016}}{TCP_{2016}} = \frac{26.543.683.277}{28.891.554.617} - \frac{26.543.683.277}{23.196.092.585} = -0,22$$

Do tổng chi phí của năm 2017 đã tăng 5.695.462.032 đồng so với tổng chi phí của năm 2016 do đó đã làm cho sức sản xuất của tổng chi phí giảm 0,22.

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu lên sức sản xuất của tổng chi phí

$$\Delta SSX_{tcp}(DT) = \frac{DT_{2017}}{TCP_{2017}} - \frac{DT_{2016}}{TCP_{2017}} = \frac{34.423.446.746}{28.891.554.617} - \frac{26.543.683.277}{28.891.554.617} = 0,27$$

Doanh thu luôn là nhân tố ảnh hưởng làm tăng sức sản xuất của các yếu tố đầu vào vì doanh thu năm 2017 tăng 7.879.763.469 so với năm 2016. Với sức sản xuất của tổng chi phí, doanh thu tăng đã làm cho sức sản xuất của tổng chi phí tăng 0,27

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố tổng chi phí và doanh thu lên sức sản xuất của tổng chi phí của Công ty như sau:

$$\Delta SSX_{TCP} = -0,22 - 0,27 = -0,49$$

***) Sức sinh lợi của tổng chi phí**

- Xét ảnh hưởng của nhân tố tổng chi phí lên sức sinh lợi của tổng chi phí

$$\Delta SSL_{tcp}(TCP) = \frac{LN_{2016}}{TCP_{2017}} - \frac{LN_{2016}}{TCP_{2016}} = \frac{3.347.590.692}{28.891.554.617} - \frac{3.347.590.692}{23.196.092.585} = -0,02$$

Khi tổng chi phí tăng đã làm cho sức sinh lợi của tổng chi phí giảm 0,02 lần.

- Xét ảnh hưởng của nhân tố lợi nhuận lên sức sinh lợi của tổng chi phí

$$\Delta SSL_{tcp}(DT) = \frac{LN_{2017}}{TCP_{2017}} - \frac{LN_{2016}}{TCP_{2017}} = \frac{5.531.892.129}{28.891.554.617} - \frac{3.347.590.692}{28.891.554.617} = 0,07$$

Do lợi nhuận năm 2017 tăng 2.184.301.437 đồng làm cho sức sinh lợi của tổng chi phí tăng 0,07 lần

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố tổng chi phí và lợi nhuận lên sức sinh lợi của tổng chi phí của Công ty như sau:

$$\Delta SSX_{CSH} = -0,02 - 0,07 = - 0.09$$

Kết luận: Do sức sản xuất của tổng chi phí và sức sinh lợi giảm do đó ta có thể kết luận rằng trong năm 2017 công ty sử dụng chi phí một cách chưa có hiệu quả

3. Hiệu quả sử dụng tài sản

a) *hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn (TSDH).*

Đối với công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long, do đặc thù của ngành nghề kinh doanh, thì TSDH so với TSNH chiếm một tỉ trọng nhỏ. Lượng TSDH của công ty được bổ sung hàng năm không nhiều. Tuy nhiên, nó cũng là một trong những nhân tố quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Để tiến hành phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng TSDH, ta phải tính đến một số chỉ tiêu sau:

Bảng 6. Bảng phân tích hiệu quả sử dụng TSDH.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2016	So sánh	
				±	%
Doanh thu	1.000đ	34.423.446.746	26.543.683.277	7.879.763.469	29,7%
Lợi nhuận thuần	1.000đ	5.531.892.129	3.347.590.692	2.184.301.437	65,2%
TSDH	1.000đ	177.803.789	177.803.789	-	-
Hiệu quả sd TSDH (LN/TSDH)	Lần	31,11	18,82	12,29	
Hiệu suất sd TSDH (DT/TSDH)	Lần	193,6	149,28	44,32	

Qua bảng số liệu trên ta có thể rút ra một số nhận xét về TSDH của công ty trong 2 năm 2016– 2017 như sau:

- TSDH của công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long năm 2017 là so với năm 2016 không thay đổi là 177.803.789 đồng. Tuy nhiên hiệu quả sử dụng TSDH và hiệu suất sử dụng TSDH của công ty đều tăng. Cụ thể:

- Hiệu quả sử dụng TSDH của công ty tăng từ 18,82 của năm 2016 lên 31,11 trong năm 2017. Tức là mỗi đồng đầu tư vào TSDH thu về được 31,11 đồng lợi nhuận cho công ty, tăng so với năm 2016 là 12,29 đồng.

- Hiệu suất sử dụng TSDH của công ty năm 2017 là 149,28, có nghĩa là với mỗi đồng đầu tư vào TSDH thì thu về được 149,28 đồng doanh thu, tăng so với năm 2016 là 44,32 đồng.

b) *Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn (TSNH).*

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, TSNH luôn luôn vận động, thay thế và chuyển hoá lẫn nhau để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành một cách liên tục.

Đối với công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long thì TSNH chiếm tỉ trọng lớn trong tổng tài sản của toàn công ty. Công ty thường xuyên bổ sung một lượng tài sản lớn để nâng cao khả năng cung ứng dịch vụ. Vì vậy việc sử dụng TSNH có hiệu quả hay không sẽ là nhân tố ảnh hưởng quan trọng tới hoạt động kinh doanh của công ty.

Để thấy được hiệu quả sử dụng TSNH của công ty ta phải dựa vào một số chỉ tiêu phân tích sau đây:

Bảng 7. Bảng phân tích hiệu quả sử dụng TSNH.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2016	So sánh	
				±	%
Doanh thu	1.000đ	34.423.446.746	26.543.683.277	7.879.763.469	29,7%
Lợi nhuận thuần	1.000đ	5.531.892.129	3.347.590.692	2.184.301.437	65,2%
TSNH	1.000đ	4.113.967.571	4.058.164.977	55.802.594	13,7%
Hiệu quả sd TSNH (LN/TSNH)	Lần	1,43	0,82	0,61	
Hiệu suất sd TSNH (DT/TSNH)	Lần	8,36	6,54	1,82	

Qua bảng số liệu trên ta có thể nhận xét về TSNH của Công ty trong 2 năm qua như sau:

- TSNH năm 2017 là 4.113.967.571 đồng, tăng so với năm 2016 là 55.802.594 đồng, mức tăng 13,7%. Nguyên nhân TSNH tăng là do các khoản phải thu của công ty tăng.

- Hiệu quả sử dụng TSNH năm 2017 cho thấy khi công ty đầu tư một đồng TSNH vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì thu về được 1,43 đồng lợi nhuận thuần, tăng so với năm 2016 là 0,61 đồng.

- Hiệu suất sử dụng TSNH năm 2017 tăng so với năm 2016. Cụ thể, năm 2017 hiệu suất sử dụng TSNH của công ty là 8,36 lần, nghĩa là khi đầu tư một đồng TSNH vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì thu về được 8,36 đồng doanh thu tăng so với năm 2016 là 1,82 đồng.

c) Hiệu quả sử dụng tổng tài sản (TTS)

Bảng 8. Phân tích hiệu quả sử dụng tổng tài sản.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2016	So sánh	
				±	%
Doanh thu	1.000đ	34.423.446.746	26.543.683.277	7.879.763.469	29,7%
Lợi nhuận thuần	1.000đ	5.531.892.129	3.347.590.692	2.184.301.437	65,2%
Tổng TS (Σ TS)	1.000đ	4.291.771.360	4.235.968.766	55.802.591	1,31%
H.quả sd Σ TS	Lần	1,28	0,79	0,49	
H.suất sd Σ TS	Lần	8,02	6,26	1,76	

Tổng tài sản của TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long năm 2017 là 4.291.771.360 đồng, tăng so với năm 2016 là 55.802.591 đồng, mức tăng 1,31%, mức tăng này là không đáng kể.

TSDH chiếm tỉ trọng nhỏ (4,14%) trên tổng số tài sản của công ty. TSNH chiếm tỉ trọng rất lớn trên tổng tài sản: 95,86% vào năm 2017. Nhìn chung, cơ cấu tài sản năm 2017 ít có thay đổi so với năm 2016. Việc TSNH chiếm tỉ trọng lớn là hoàn toàn phù hợp với tính chất ngành nghề kinh doanh của công ty.

Hiệu quả sử dụng tổng tài sản năm 2017 cho thấy khi đầu tư một đồng tài sản vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì công ty thu được 1,28 đồng lợi nhuận thuần, tăng so với năm 2016 là 0,49 đồng. Công ty cần tiếp tục phát huy để duy trì và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

Hiệu suất sử dụng tổng tài sản năm 2017 của công ty tăng so với năm 2016. Cụ thể, hiệu suất sử dụng tổng tài sản năm 2017 của công ty là 8,02 lần, tức là khi đầu tư một đồng tài sản vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì công ty thu về được 8,02 đồng doanh thu, tăng với năm 2016 là 1,76 đồng.

4. Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu

a) *Vốn chủ sở hữu của công ty*

Vốn chủ sở hữu là số vốn của các chủ sở hữu, các nhà đầu tư góp vốn hoặc hình thành từ kết quả kinh doanh và doanh nghiệp không phải cam kết thanh toán. Tùy theo loại hình doanh nghiệp, vốn chủ sở hữu được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau nhưng nói chung có thể quy nguồn hình thành vốn chủ sở hữu từ ba nguồn sau đây:

- Nguồn đóng góp ban đầu và bổ sung của các nhà đầu tư: đây là nguồn chủ sở hữu chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Thực chất, nguồn này là do các nhà đầu tư (các chủ sở hữu) đóng góp tại thời điểm thành lập doanh nghiệp và đóng góp bổ sung thêm trong quá trình kinh doanh.

- Nguồn đóng góp bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh: thực chất nguồn này là số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các khoản có nguồn gốc từ lợi nhuận như quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ phúc lợi.

- Nguồn vốn chủ sở hữu khác: nguồn này gồm có khoản thặng dư vốn cổ phần, khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, do chênh lệch tỷ giá hối đoái, do các đơn vị phụ thuộc nộp kinh phí quản lý ...

Vốn chủ sở hữu của công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long là vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bảng 9. Vốn chủ sở hữu của công ty 2 năm gần đây

Nguồn vốn	2016		2017		Chênh lệch	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Giá trị	%
Nguồn vốn kinh doanh	630.000.000	38	630.000.000	41	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	124.134.570	7	159.961.080	11	35.826.510	29
Vốn chủ sở hữu	754.134.570	45	789.961.080	52	35.826.510	5

b) . Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu:

Bảng 10. Sức sản xuất và sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch	Tốc độ tăng trưởng
Doanh thu thuần	34.423.446.746	26.543.683.277	7.879.763.469	29,7%
Lợi nhuận sau thuế	5.531.892.129	3.347.590.692	2.184.301.437	65,2%
Vốn chủ sở hữu bình quân	772.047.825	754.298,165	17.749.660	2,35%
Sức sản xuất của VCSH	44,59	35,19	9,4	26,7%
Sức sinh lợi của VCSH	7,16	4,43	2,73	61,6%

Bảng trên cho ta thấy sức sản xuất và sức sinh lợi của vốn chủ hữu công ty lớn. Năm 2016 một đồng vốn chủ sở hữu mang về cho công ty 35,19 đồng doanh thu và 4,43 đồng lợi nhuận. Đến năm 2017, sức sản xuất và sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu của công ty đã tăng đáng kể, cụ thể: sức sản xuất của vốn chủ sở hữu đạt 44,59 và sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu đạt 7,16. Ta sẽ phân tích kỹ hơn ảnh hưởng của các nhân tố doanh thu, lợi nhuận và vốn chủ sở hữu tới sức sản xuất và sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu.

Các ký hiệu: DT_i , LN_i : doanh thu, lợi nhuận của công ty năm i

$VCSH_i$: Vốn chủ sở hữu trung bình năm i

ΔSSX_{CSH} , ΔSSL_{CSH} : chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu năm $i+1$ và năm i

$\Delta SSX_{CSH}(X)$, $\Delta SSL_{CSH}(X)$: chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu năm $i+1$ và năm i do ảnh hưởng của nhân tố X

***) Sức sản xuất của vốn chủ sở hữu**

Doanh thu

Sức sản xuất của vốn CSH = _____

Vốn chủ sở hữu bình quân

- Xét ảnh hưởng của nhân tố vốn chủ sở hữu lên sức sản xuất của vốn chủ sở hữu

$$\Delta SSX_{csh}(VCSH) = \frac{DT_{2016} - DT_{2017}}{VCSH_{2016} - VCSH_{2017}} = \frac{26.543.683.277 - 26.543.683.277}{772.047.825 - 754.298.165} = -0,8$$

$$VCSH_{2017} \quad VCSH_{2016} \quad 772.047.825 \quad 754.298.165$$

Do vốn chủ sở hữu trung bình của năm 2017 đã tăng 17.749.660 đồng so với vốn chủ sở hữu trung bình của năm 2016 do đó đã ảnh hưởng đến sức sản xuất của vốn chủ sở hữu, cụ thể đã làm sức sản xuất của vốn chủ sở hữu giảm 0,8 lần.

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu lên sức sản xuất của vốn chủ sở hữu

$$\Delta SSX_{csh}(DT) = \frac{DT_{2017} - DT_{2016}}{VCSH_{2017} - VCSH_{2016}} = \frac{34.423.446.746 - 26.543.683.277}{772.047.825 - 772.047.825} = -10,2$$

$$VCSH_{2017} \quad VCSH_{2016} \quad 772.047.825 \quad 772.047.825$$

Doanh thu là một trong hai yếu tố ảnh hưởng đến sức sản xuất của vốn chủ sở hữu. Doanh thu năm 2017 tăng làm cho sức sản xuất của vốn chủ sở hữu giảm đi

10,2 lần.

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố vốn chủ sở hữu và doanh thu lên sức sản xuất của vốn chủ sở hữu của Công ty như sau:

$$\Delta SSX_{CSH} = -0,8 - (-10,2) = 9,4$$

Điều đó có nghĩa là năm 2017 mỗi đồng vốn chủ sở hữu đầu tư vào kinh doanh tăng nhiều hơn so với năm 2016 là 9,4 đồng doanh thu.

***) Sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu**

Lợi nhuận

$$\text{Sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố vốn chủ sở hữu lên sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu

$$\Delta SSL_{csh}(VCSH) = \frac{LN_{2016}}{VCSH_{2017}} - \frac{LN_{2016}}{VCSH_{2016}} = \frac{3.347.590.692}{772.047.825} - \frac{3.347.590.692}{754.298.165} = -0,1$$

Tương tự như đối với sức sản xuất của vốn chủ sở hữu, khi vốn chủ sở hữu trung bình năm 2017 tăng so với vốn chủ sở hữu trung bình năm 2016 thì sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu cũng giảm, tuy nhiên sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu chỉ giảm 0,1, giảm ít hơn sức sản xuất

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu lên sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu

$$\Delta SSL_{csh}(DT) = \frac{LN_{2017}}{VCSH_{2017}} - \frac{LN_{2016}}{VCSH_{2017}} = \frac{5.531.892.129}{772.047.825} - \frac{3.347.590.692}{772.047.825} = 2,82$$

Như vậy ảnh hưởng của lợi nhuận tăng đã làm giảm tăng sinh lợi của vốn chủ sở hữu lên 2,82

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố vốn chủ sở hữu và lợi nhuận lên sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu của Công ty:

$$\Delta SSL_{CSH} = -0,1 - 2,82 = -2,92$$

5. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Bảng 11: Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch
A	Chỉ tiêu hoạt động				
1	Vòng quay khoản phải thu (<i>doanh thu thuần/khoản phải thu bình quân</i>)	vòng	77,11	59,45	17,6
2	Kỳ thu tiền bình quân (365/vòng quay khoản phải thu)	ngày	4,7	6,13	(1,43)
	Vòng quay toàn bộ vốn(<i>doanh thu thuần/vốn kinh doanh bình quân</i>)	vòng	8,07	8,02	0,05
	Số vòng quay vốn lưu động(<i>doanh thu thuần/vốn lưu động bình quân</i>)	vòng	8,42	8,37	0,05
	Số ngày 1 vòng luân chuyển vốn lưu động	ngày	43,34	43,6	(0,26)
B	Tỷ số cơ cấu tài sản				
1	Tỷ số cơ cấu TSCĐ (<i>tài sản cố định/tổng tài sản</i>)	%	0,0166	0,0167	(0,0001)
2	Tỷ số cơ cấu tài sản lưu động (<i>tài sản lưu động/ tổng tài sản</i>)	%	0,96	0,95	0,01
C	Khả năng sinh lời				
1	Tỷ suất lợi nhuận ròng(<i>lợi nhuận sau thuế/doanh thu</i>)	%	0,16	0,13	0,03
2	Tỷ suất sinh lời tổng tài sản – ROA (<i>lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản</i>)	%	1,28	0,8	0,48
3	Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu – ROE (<i>lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân</i>)	%	7	4,4	2,6

Qua bảng số liệu trên ta thấy:

- **Các chỉ số hoạt động:**

- Do số vòng quay các khoản phải thu tăng 17,6 vòng, làm cho kỳ luân chuyển khoản phải thu giảm 1,43 ngày.

- Số vòng quay vốn lưu động tăng 0,05 vòng làm cho số ngày 1 vòng luân chuyển vốn lưu động giảm 0,26 ngày

- Đây là những kết quả tích cực, tuy tốc độ tăng trưởng không cao nhưng trong tình trạng nền kinh tế khó khăn đặc biệt là ngành vận tải như trong năm 2016 và nền kinh tế đang dần phục hồi của năm 2017 thì để đạt được những kết quả đó là sự cố gắng, nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty.

- **Tỉ số cơ cấu tài chính:**

Với việc tăng tỉ trọng của TSLĐ so với TSCĐ, ta thấy cơ cấu tài chính của công ty có sự thay đổi, nhưng không đáng kể. Thể hiện ở tỉ suất đầu tư vào TSCĐ năm 2017 giảm 0,0001% so với năm 2016. Tỉ suất đầu tư vào TSLĐ năm 2017 là 96%, so với năm 2016 tăng 0,1%. Việc tăng lên của TSLĐ là khoản phải thu năm 2017 nhiều hơn so với năm 2008, điều này cũng cho thấy công ty ít bị chiếm dụng vốn vì kỳ thu tiền bình quân năm 2017 giảm 1,43 ngày so với năm 2016

- **Chỉ số sinh lời:**

- ***Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu:***

Phản ánh trong một đồng doanh thu mà công ty thực hiện trong kỳ có mấy đồng lợi nhuận. Theo số liệu thống kê ta thấy nếu trong năm 2016, với một đồng doanh thu mà công ty thực hiện được trong kỳ có 0,13 đồng lợi nhuận thì trong năm 2017 là 0,16 đồng lợi nhuận, tăng 0,03 đồng lợi nhuận. Điều này cho thấy công ty đang dần khắc phục những khó khăn do đợt suy thoái kinh tế năm 2016 vừa qua để lại.

- ***Tỷ số lợi nhuận trên tổng tài sản:***

Tỷ số này phản ánh một đồng giá trị tài sản mà doanh nghiệp đã huy động vào sản xuất kinh doanh tạo ra mấy đồng lợi nhuận thuần. Tỷ số này càng lớn chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản của Xí nghiệp càng cao.

Trong năm 2017, chỉ số sinh lời này của công ty là 1,28, nghĩa là với một đồng giá trị tài sản mà công ty huy động vào sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra 0,0128 đồng lợi nhuận thuần, tăng so với năm 2008 là 0,0048 đồng.

Điều này chứng tỏ việc sử dụng có hiệu quả tổng tài sản của công ty trong năm qua.

- ***Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu:***

Tỷ số này phản ánh một đồng giá trị VCSH mà doanh nghiệp đã huy động vào sản xuất kinh doanh tạo ra mấy đồng lợi nhuận thuần, tỷ số này càng lớn chứng tỏ hiệu quả sử dụng VCSH càng cao.

Trong năm 2017, chỉ số sinh lời này của công ty là 0,07, tăng so với năm 2016 là 0,026, chứng tỏ công ty đã sử dụng có hiệu quả VCSH.

Tuy nhiên, công ty vẫn cần phải chú ý giảm bớt và sử dụng có hiệu quả các khoản chi, nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng nhu cầu khách hàng, tăng hơn nữa doanh thu nhằm cải thiện khả năng sinh lợi hơn nữa.

CHƯƠNG 3

ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XẾP DỠ DỊCH VỤ VẬN TẢI HẢI LONG

1. Đánh giá hiện trạng công ty

Sau khi phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long ta thấy được hiệu quả kinh doanh của công ty qua bảng tổng kết chỉ tiêu về sức sản xuất và sức sinh lợi của các yếu tố đầu vào như sau:

Bảng 12. Tổng hợp các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch
I	Hiệu quả sử dụng lao động			
1	Sức sản xuất của lao động	216.449.665	195.174.141	21.275.521
2	Sức sinh lời của lao động	34.791.774	24.614,637	10.177.137
II	Hiệu quả sử dụng vốn			
	<i>Tài sản cố định</i>			
	Sức sản xuất của TSCĐ	31,11	18,82	12,29
	Sức sinh lợi của TSCĐ	193,6	149,28	44,32
	<i>Tài sản lưu động</i>			
	Sức sản xuất của TSLĐ	1,43	0,82	0,61

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch
	Sức sinh lời của TSLĐ	8,36	6,54	1,82
	<i>Tổng tài sản</i>			
	Sức sản xuất của TTS	1,28	0,79	0,49
	Sức sinh lời của TTS	8,02	6,26	1,76
III	Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu			
1	Sức sản xuất của vốn CSH	44,59	35,19	9,4
2	Sức sinh lời của vốn CSH	7,16	4,43	2,73
IV	Hiệu quả sử dụng chi phí			
1	Sức sản xuất của chi phí	1,19	1,14	0,05
2	Sức sinh lời của chi phí	0,19	0,14	0,05

Tất cả các chỉ tiêu được phân tích đều cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty năm 2017 đều đạt mục tiêu đề ra và hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn so với năm 2016, thể hiện qua sức sản xuất và sức sinh lời của các yếu tố đầu vào đều tăng. Qua đó doanh nghiệp vẫn còn những tồn tại cần khắc phục để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả hơn.

a. Phương hướng phát triển của công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long trong thời gian tới

Đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào việc xây dựng phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh là vô cùng quan trọng. Bởi vì, để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai một cách tốt nhất và có hiệu quả nhất thì trước hết phải tiến hành xây dựng các mục tiêu chiến lược, phương hướng cho hoạt động đó trong tương lai. Hiệu quả của hoạt động kinh doanh cao hay thấp tùy thuộc vào hướng đi của doanh nghiệp đúng hay sai.

Năm 2017 công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long đã đạt được những thành tựu nhất định:

- Khả năng sinh lời của công ty cao
- Tốc độ tăng trưởng doanh thu nhanh
- Kinh doanh trong một thời gian đã ổn định và phát triển

Nhưng quy mô nhỏ, do đó công ty cần có những biện pháp hợp lý để mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

b. Một số biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long

3.1. Biện pháp 1: Đầu tư máy móc trang thiết bị để nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Cơ sở thực hiện biện pháp:

- Khả năng sinh lời và tăng doanh thu của công ty cao
- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tăng sức cạnh tranh về chất lượng dịch vụ của công ty trên thị trường.

❖ Nội dung thực hiện biện pháp:

- Lợi nhuận của công ty năm 2017 là 5.531.892.129 đồng.
- Công ty bỏ ra 3.000.000.000 đồng và vốn vay 2.000.000.000 đồng đầu tư máy móc trang thiết bị để nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là 3 xe nâng container

- Ba xe này dùng cho hoạt động thuê tài chính

- **Xe nâng reachstacker** – xe nâng container – xe chụp container – xe gấp container được phổ biến và phát triển là do công năng tuyệt vời của nó. Tại

các cảng hay kho bãi lớn, nơi hàng hóa tập trung và đóng container để vận chuyển thì các dòng xe nâng container đóng vai trò rất quan trọng, những thiết bị này giúp di chuyển sắp xếp container một cách linh động và hiệu quả.

Ngoài việc bốc dỡ container tại các kho bãi, cầu cảng, xe nâng reachstacker có thể dùng bốc xếp hàng hóa khác không nhất thiết được chứa trong container



❖ Kết quả thực hiện

Dự kiến một xe nâng cho thuê 1 năm sẽ mang lại 600.000.000 đồng/ 1 năm. Do đó 3 xe nâng cho thuê 1 năm sẽ mang lại 1.800.000.000 đồng doanh thu.

Nguyên giá 1 xe : 1.200.000.000 đồng , do đó nguyên giá của 3 xe là 3.600.000 đồng

Công ty tiến hành khấu hao trong vòng 8 năm bằng phương pháp khấu hao đều. Như vậy số tiền khấu hao hàng năm là: $3.600.000.000/8 = 450.000.000$ đồng

Công ty vay ngân hàng 2.000.000.000 đồng với lãi vay 12% là 240.000.000 đồng/ năm

Bảng 13: kết quả dự kiến sau khi thực hiện biện pháp 1

Chỉ tiêu	Đơn vị	Trước biện pháp	Sau biện pháp	Chênh lệch	
				Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu	1000 đồng	34.423.446.746	36.223.446.746	1.800.000.000	5,2%
Chi phí khấu hao	1000 đồng	-	450.000.000	450.000.000	
Chi phí lãi vay	1000 đồng	-	240.000.000	240.000.000	
Tổng chi phí	1000 đồng	28.891.554.617	29.581.554.617	690.000.000	2,38%
Lợi nhuận	1000 đồng	5.531.892.129	6.641.892.129	1.110.000.000	20,06%

Dự kiến sau khi thực hiện biện pháp Đầu tư máy móc trang thiết bị để nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh thu và lợi nhuận tăng lên đáng kể cụ thể là doanh thu tăng 5% và lợi nhuận của công ty tăng 20,06%

3.2. Biện pháp 2: Đẩy mạnh hoạt động makerting

❖ Cơ sở thực hiện biện pháp

Công tác nghiên cứu thị trường có tầm quan trọng trong việc phát triển sản xuất kinh doanh của công ty. Trên cơ sở những thông tin thu thập trên thị trường, Xí nghiệp có thể nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Hiện nay vấn đề quan tâm nhất của công ty là tăng sản lượng làm cho năng suất lao động tăng, góp phần làm tăng doanh thu, dẫn đến tăng lợi nhuận. Để thực hiện được điều này cần phải tăng cường công tác thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng nhằm giữ được khách hàng truyền thống và phát triển thêm khách hàng mới.

❖ Nội dung thực hiện biện pháp

Trích 1% doanh thu cho hoạt động makerting là 344.234.467 đồng

- Thường xuyên tổ chức các cuộc thăm hỏi, làm việc với khách hàng tại các trụ sở chính của các hãng
- Tổ chức hội nghị khách hàng hàng năm để tổng kết hết năm, gặp đột xuất để tháo gỡ một số khó khăn trong quá trình hợp tác.

❖ **Kết quả thực hiện biện pháp**

Bảng 14: Bảng 13: kết quả dự kiến sau khi thực hiện biện pháp 2

Chỉ tiêu	Đơn vị	Trước biện pháp	Sau biện pháp	Chênh lệch	
				Giá trị	Tỷ lệ
doanh thu	1000 đồng	34.423.446.746	35.456.150.148	1.032.073.402	3%
Chi phí cho hoạt động makerting	1000 đồng	-	344.234.467	344.234.467	-
Tổng chi phí	1000 đồng	28.891.554.617	29.235.789.084	344.234.467	1,19%
Lợi nhuận	1000 đồng	5.531.892.129	6.220.361.064	688.468.935	12,4%

Dự kiến sau khi thực hiện biện pháp Đầu tư máy móc trang thiết bị để nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh thu và lợi nhuận tăng lên đáng kể cụ thể là doanh thu tăng 3% và lợi nhuận của công ty tăng 12,4%

KẾT LUẬN

Trong xu thế phát triển của nền kinh tế thế giới, sau khi Việt Nam gia nhập WTO, việc xuất nhập khẩu hàng hoá ngày càng tăng mạnh, đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp nước ngoài ngày càng tăng. Điều đó nói lên nền kinh tế Việt Nam đang ngày một phát triển mạnh mẽ. Hải phòng cũng góp phần giúp nền kinh tế Việt Nam tiến xa hơn, hội nhập với nền kinh tế thế giới. Trong thời gian qua, mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn nhưng với sự đoàn kết và cố gắng, Công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về nhiều mặt.

Thời gian thực tập tại Công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long, em đã thu được nhiều kinh nghiệm quý báu. Đó sẽ là hành trang quan trọng giúp cho em sau này bước vào cuộc sống sẽ thấy tự tin và trưởng thành hơn

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các cô, chú, anh, chị trong công ty đã giúp đỡ em rất nhiều trong quá trình thực tập. Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của cô giáo Thạc sĩ. Lã Thị Thanh Thủy đã giúp em hoàn thành bài khoá luận này! Bài khoá luận của em còn nhiều thiếu sót, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các thầy, cô và các bạn để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn!

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Hòa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Nguyễn Quang Ngọc (2016) , *Phân tích báo cáo tài chính*, NXB. Tài Chính.
2. Th.S Ngô Kim Phương (2013) , *Phân tích tài chính doanh nghiệp* , NXB Kinh tế TP.HCM
3. Nguyễn Hải Sản (2012), *Quản trị doanh nghiệp* , NXB Lao động – Xã hội.
4. Một số tài liệu Ban tài chính - kế toán của Công ty TNHH thương mại xếp dỡ dịch vụ vận tải Hải Long.
5. Giáo trình “Phân tích hoạt động kinh doanh” – Nhà xuất bản thống kê (năm 2009).
7. Giáo trình “Quản trị doanh nghiệp” – Trường Đại học Kinh tế quốc dân - Nhà xuất bản thống kê.
8. Giáo trình “Quản trị tài chính doanh nghiệp” - Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội – Nhà xuất bản tài chính
8. Website : www.haiphongport.com.vn
10. Thư viện điện tử trường ĐHDL Hải Phòng <http://lib.hpu.edu.vn/>, khóa luận tốt nghiệp của sinh viên trường ĐHDL Hải Phòng khóa 9, 10, 12.
11. Bách khoa toàn thư mở <http://vi.wikipedia.org/>
12. Thư viện khóa luận <http://khoaluan.edu.vn/>